

Số: 1832/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2025

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2025 kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Giao Bộ Giáo dục và Đào tạo và các bộ, ngành có liên quan trong phạm vi thẩm quyền có trách nhiệm:

1. Triển khai thực hiện theo đúng nội dung và thời hạn quy định tại Phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh đã được Thủ tướng Chính phủ thông qua tại Điều 1 của Quyết định này.

2. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ các quy định, thủ tục hành chính tại các văn bản quy phạm pháp luật áp dụng hình thức một văn bản sửa đổi nhiều văn bản theo trình tự, thủ tục rút gọn theo quy định pháp luật về xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật để thực thi các phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Điều 1 của Quyết định này.

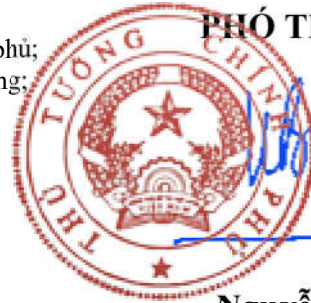
Điều 3. Giao Văn phòng Chính phủ theo dõi, đôn đốc Bộ Giáo dục và Đào tạo và các bộ, cơ quan liên quan thực hiện Quyết định này; tổng hợp vướng mắc để kịp thời báo cáo Thủ tướng Chính phủ tháo gỡ trong quá trình thực thi Phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh được Thủ tướng Chính phủ thông qua tại Điều 1 của Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Hội đồng tư vấn cải cách thủ tục hành chính của Thủ tướng Chính phủ;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT, KSTT (2b).



**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**

Nguyễn Hòa Bình

PHƯƠNG ÁN

Cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2025
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TTg
ngày tháng 8 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)

PHẦN A. CẮT GIẢM, ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH

I. HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON

1. Thủ tục hành chính 1: Thành lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ (1.012961)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Quy định tổng thời gian giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) từ 15 ngày và 10 ngày làm việc thành 14 ngày làm việc.

- Gộp hai điều kiện về Đề án thành lập, cho phép thành lập trường mầm non thành một điều kiện chung: “Có đề án thành lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ phù hợp với quy hoạch của tỉnh và các quy hoạch liên quan của địa phương nơi trường đặt trụ sở, được lập theo Mẫu số 02 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo”.

b) Kiến nghị thực thi

- Đề xuất sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 49 Luật Giáo dục.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 3; khoản 3 Điều 4 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05/10/2024 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục (sau đây gọi tắt là Nghị định số 125/2024/NĐ-CP).

- Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 1 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo (sau đây gọi tắt là Nghị định số 142/2025/NĐ-CP).

- Lộ trình thực hiện: Theo lộ trình sửa Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Thủ tục hành chính 2: Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục (1.006390)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Quy định tổng thời gian giải quyết TTHC từ 15 ngày và 10 ngày làm việc còn 14 ngày làm việc.

- Cắt giảm các công việc/hoạt động liên quan đến sao y bản chính/công chứng văn bản.

- Bãi bỏ điều kiện “Có quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường”.

- Tích hợp, rút gọn điều kiện “Đối với khu vực nội thành của các đô thị loại đặc biệt, có thể thay thế diện tích khu đất xây dựng trường bằng diện tích sàn xây dựng và phải bảo đảm diện tích sàn xây dựng không thấp hơn diện tích đất bình quân tối thiểu cho một trẻ em theo quy định” vào cùng điều kiện về đất đai tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP thành “Có đất đai, cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng các tiêu chuẩn tối thiểu về địa điểm, quy mô, diện tích và cơ sở vật chất đối với trường mầm non theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, trong đó, khu vực nội thành của các đô thị loại đặc biệt, diện tích sàn xây dựng được tính tương đương diện tích đất, nhưng không thấp hơn diện tích bình quân tối thiểu cho mỗi trẻ”.

b) Kiến nghị thực thi

- Đề xuất bãi bỏ điểm d khoản 2 Điều 49 Luật Giáo dục.

- Sửa đổi bổ sung khoản 1 Điều 5; khoản 3 Điều 6 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

- Bãi bỏ khoản 5 Điều 5 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

- Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 2 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: Theo lộ trình sửa Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn thi hành.

3. Thủ tục hành chính 3: Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại (1.006444)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Bổ sung quy định nộp/nhận hồ sơ qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

- Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC từ 07 ngày làm việc xuống 05 ngày làm việc.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 3 Điều 7 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.
- Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 Điều 3 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.
- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

4. Thủ tục hành chính 4: Sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ (1.006445)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bãi bỏ 03 điều kiện: “Đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội”; “Bảo đảm quyền, lợi ích của nhà giáo và người học”; “Góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục và đưa nội dung thuyết minh vào Đề án sáp nhập, chia, tách nhà trường”.

- Quy định tổng thời gian giải quyết TTHC từ 10 ngày và 15 ngày làm việc thành 14 ngày làm việc.

- Cắt giảm các công việc/hoạt động liên quan đến sao y bản chính/công chứng văn bản.

b) Kiến nghị thực thi

- Đề xuất bãi bỏ điểm b, c, d khoản 1 Điều 51 Luật Giáo dục năm 2019.
- Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 4 Điều 8 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.
- Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 4 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.
- Lộ trình thực hiện: Theo lộ trình sửa Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn thi hành.

5. Thủ tục hành chính 5: Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường) (1.012962)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Quy định tổng thời gian giải quyết TTHC từ 10 ngày thành 05 ngày làm việc.
- Cắt giảm các công việc/hoạt động liên quan đến sao y bản chính/công chứng văn bản.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2, 3, 4 Điều 9 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.
- Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 5 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.
- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

6. Thủ tục hành chính 6: Thành lập hoặc cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non độc lập (1.012971)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Cắt giảm các công việc/hoạt động liên quan đến sao y bản chính/công chứng văn bản.
- Quy định tổng thời gian giải quyết TTHC từ 10 ngày và 10 ngày làm việc thành 10 ngày làm việc.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung khoản 1, 3 Điều 11 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.
- Sửa đổi điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 6 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.
- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

7. Thủ tục hành chính 7: Cho phép cơ sở giáo dục mầm non độc lập hoạt động trở lại (1.012972)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Bổ sung quy định nộp/nhận hồ sơ qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.
- Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC từ 07 ngày làm việc xuống 05 ngày làm việc.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 3 Điều 12 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.
- Sửa đổi điểm c khoản 3 Điều 7 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.
- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

8. Thủ tục hành chính 8: Sáp nhập, chia, tách cơ sở giáo dục mầm non độc lập (1.012973)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Quy định tổng thời gian giải quyết TTHC từ 10 ngày và 10 ngày làm việc thành 10 ngày làm việc.

- Cắt giảm các công việc/hoạt động liên quan đến sao y bản chính/công chứng văn bản.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3 Điều 13 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

- Sửa đổi khoản 2 Điều 8 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

9. Thủ tục hành chính 9: Giải thể cơ sở giáo dục mầm non độc lập (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường) (1.012974)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC từ 10 ngày xuống 07 ngày.

- Cắt giảm các công việc/hoạt động liên quan đến sao y bản chính/công chứng văn bản.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 14 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

- Sửa đổi khoản 3 Điều 9 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

10. Thủ tục hành chính 10: Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận (1.008724)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Bãi bỏ thành phần hồ sơ: “Quyết định thành lập nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục, quyết định công nhận hội đồng trường đương nhiệm, quyết định công nhận hiệu trưởng đương nhiệm của nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục và các tài liệu liên quan khác (nếu có).”

- Mẫu hóa 02 thành phần hồ sơ: Tờ trình đề nghị chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận theo Mẫu số 08 tại Phụ lục kèm theo Quyết định này; Báo cáo đánh giá tác động của việc chuyển đổi về nhân sự, tài chính, tài sản và phương án xử lý theo Mẫu số 09 tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

- Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC từ 20 ngày làm việc xuống 14 ngày làm việc.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung Điều 6 Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục (sau đây viết tắt là Nghị định số 84/2020/NĐ-CP).

- Sửa đổi, bổ sung Điều 10 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

II. HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

1. Thủ tục hành chính 1: Thành lập hoặc cho phép thành lập trường tiểu học (1.012963)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Quy định tổng thời gian giải quyết TTHC từ 15 ngày và 10 ngày làm việc thành 15 ngày làm việc.

- Gộp hai điều kiện về Đề án thành lập, cho phép thành lập trường tiểu học thành một điều kiện chung: “Có đề án thành lập hoặc cho phép thành lập trường tiểu học phù hợp với quy hoạch của tỉnh và các quy hoạch liên quan của địa phương nơi trường đặt trụ sở, được lập theo Mẫu số 02 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo”.

b) Kiến nghị thực thi

- Đề xuất sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 49 Luật Giáo dục.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 15; khoản 3 Điều 16 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

- Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 11 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: Theo lộ trình sửa Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Thủ tục hành chính 2: Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục (2.001842)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Quy định tổng thời gian giải quyết TTHC từ 20 ngày và 10 ngày làm việc thành 17 ngày làm việc.

- Tích hợp, rút gọn điều kiện “Đối với khu vực nội thành của các đô thị loại đặc biệt, có thể thay thế diện tích khu đất xây dựng trường bằng diện tích sàn xây dựng và bảo đảm diện tích sàn xây dựng không thấp hơn diện tích đất bình quân tối thiểu cho một học sinh theo quy định” vào cùng điều kiện về đất đai tại khoản 1 Điều 17 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP thành “Có đất đai, cơ sở vật chất, thiết bị đáp ứng các tiêu chuẩn về địa điểm, quy mô, diện tích và cơ sở vật chất đối với trường tiểu học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, trong đó, khu vực nội thành của các đô thị loại đặc biệt, diện tích sàn xây dựng được tính tương đương diện tích đất, nhưng không thấp hơn diện tích bình quân tối thiểu cho mỗi học sinh”.

- Bãi bỏ điều kiện: “Có quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường”.

b) Kiến nghị thực thi

- Đề xuất bãi bỏ điểm d khoản 2 Điều 49 Luật Giáo dục năm 2019.

- Bãi bỏ khoản 5 Điều 17 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

- Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 17, khoản 3 Điều 18 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

- Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 12 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: Theo lộ trình sửa Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn thi hành.

3. Thủ tục hành chính 3: Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại (1.004552)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Bổ sung quy định gửi hồ sơ qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

- Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC từ 07 ngày làm việc xuống 04 ngày làm việc.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 3 Điều 19 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

- Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 Điều 13 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

4. Thủ tục hành chính 4: Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học (1.004563)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Quy định tổng thời gian giải quyết TTHC từ 15 ngày và 10 ngày làm việc thành 15 ngày làm việc.

- Bãi bỏ 03 điều kiện: “Đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội”; “Bảo đảm quyền, lợi ích của nhà giáo và người học”; “Góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục và đưa nội dung thuyết minh vào Đề án sáp nhập, chia, tách nhà trường”.

b) Kiến nghị thực thi

- Đề xuất bãi bỏ điểm b, c, d khoản 1 Điều 51, Luật Giáo dục năm 2019.

- Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 20 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

- Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 14 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: Theo lộ trình sửa Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn thi hành.

5. Thủ tục hành chính 5: Giải thể trường tiểu học (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường tiểu học) (1.001639)

a) Nội dung đơn giản hóa

Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC từ 20 ngày xuống 10 ngày.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 21 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

- Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 15 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

6. Thủ tục hành chính 6: Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở (1.012964); Thủ tục hành chính 7: Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông (1.012944)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Quy định tổng thời gian giải quyết TTHC từ 20 ngày và 10 ngày làm việc thành 17 ngày làm việc.

- Gộp hai điều kiện về Đề án thành lập, cho phép thành lập trường trung học thành một điều kiện chung: “Có đề án thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phù hợp với quy hoạch của tỉnh và các quy hoạch liên quan của địa phương nơi trường đặt trụ sở, được lập theo Mẫu số 02 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo”.

b) Kiến nghị thực thi

- Đề xuất sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 49 Luật Giáo dục năm 2019.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 25; khoản 3 Điều 26 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

- Sửa đổi, bổ sung khoản 3, khoản 4 Điều 18 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: Theo lộ trình sửa Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn thi hành.

7. Thủ tục hành chính 8: Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục (1.012965); Thủ tục hành chính 9: Cho phép trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông hoạt động giáo dục (1.012953)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Quy định tổng thời gian giải quyết TTHC từ 20 ngày và 10 ngày làm việc thành 17 ngày làm việc.

- Tích hợp, rút gọn điều kiện “Đối với khu vực nội thành của các đô thị loại đặc biệt, có thể thay thế diện tích khu đất xây dựng trường bằng diện tích

sàn xây dựng và bảo đảm diện tích sàn xây dựng không thấp hơn diện tích đất bình quân tối thiểu cho một học sinh theo quy định” vào cùng điều kiện về đất đai tại khoản 1 Điều 27 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP thành “Có đất đai, cơ sở vật chất, thiết bị đáp ứng các tiêu chuẩn về địa điểm, quy mô, diện tích và cơ sở vật chất đối với trường trung học phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, trong đó, khu vực nội thành của các đô thị loại đặc biệt, diện tích sàn xây dựng được tính tương đương diện tích đất, nhưng không thấp hơn diện tích bình quân tối thiểu cho mỗi học sinh”.

- Bãi bỏ điều kiện: “Có quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường”.

b) Kiến nghị thực thi

- Đề xuất bãi bỏ điểm d khoản 2 Điều 49 Luật Giáo dục năm 2019.

- Bãi bỏ khoản 5 Điều 27 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

- Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 27, khoản 3 Điều 28 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

- Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 19 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: Theo lộ trình sửa Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn thi hành.

8. Thủ tục hành chính 10: Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục trở lại (1.012966); Thủ tục hành chính 11: Cho phép trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông hoạt động giáo dục trở lại (1.012954)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Bổ sung quy định gửi 01 bộ hồ sơ quy định qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

- Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC từ 07 ngày làm việc xuống 05 ngày làm việc.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 3 Điều 29 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

- Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 Điều 20 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

9. Thủ tục hành chính 12: Sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở (1.012967); Thủ tục hành chính 13: Sáp nhập, chia, tách trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông (1.012955)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Quy định tổng thời gian giải quyết TTHC từ 20 ngày và 10 ngày làm việc thành 17 ngày làm việc.

- Bãi bỏ 03 điều kiện: “Đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội”; “Bảo đảm quyền, lợi ích của nhà giáo và người học”; “Góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục và đưa nội dung thuyết minh vào Đề án sáp nhập, chia, tách nhà trường”.

b) Kiến nghị thực thi

- Đề xuất bãi bỏ điểm b, c, d khoản 1 Điều 51, Luật Giáo dục năm 2019.

- Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 30 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

- Sửa đổi, bổ sung khoản 3, 4 Điều 21 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: Theo lộ trình sửa Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn thi hành.

10. Thủ tục hành chính 14: Giải thể trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường) (1.012968); Thủ tục hành chính 15: Giải thể trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông (theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường) (1.012956)

a) Nội dung đơn giản hóa

Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC từ 20 ngày xuống 10 ngày.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 31 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

- Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 22 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

11. Thủ tục hành chính 16: Chuyển đổi trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục và trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận (1.008725)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bãi bỏ thành phần hồ sơ: “Quyết định thành lập cơ sở giáo dục phổ thông tư thục, quyết định công nhận hội đồng trường đương nhiệm, quyết định công nhận hiệu trưởng đương nhiệm của cơ sở giáo dục phổ thông tư thục và các tài liệu liên quan khác (nếu có)”.

- Mẫu hóa 02 thành phần hồ sơ: Tờ trình đề nghị chuyển đổi cơ sở giáo dục phổ thông tư thục sang cơ sở giáo dục phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận theo Mẫu số 08 tại Phụ lục kèm theo Quyết định này; Báo cáo đánh giá tác động của việc chuyển đổi về nhân sự, tài chính, tài sản và phương án xử lý theo Mẫu số 09 tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

- Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC từ 20 ngày làm việc xuống 14 ngày làm việc.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung Điều 7 Nghị định số 84/2020/NĐ-CP.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 23 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

12. Thủ tục hành chính 17: Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học (1.012975)

a) Nội dung đơn giản hóa

Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC từ 10 ngày xuống 07 ngày.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 23 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

- Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 16 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

13. Thủ tục hành chính 18: Công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia (1.000280)

a) Nội dung cắt giảm

Bãi bỏ TTHC, theo đó:

- Bãi bỏ 06 điều kiện kinh doanh đã công bố;
- Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 03 tháng và 20 ngày làm việc.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ Điều 37, Điều 38, Điều 39 Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học (sau đây gọi tắt là Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT);

- Bãi bỏ khoản 19, khoản 20 Điều 1 Thông tư số 22/2024/TT-BGDĐT ngày 10/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT, Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT và Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (sau đây gọi tắt là Thông tư số 22/2024/TT-BGDĐT);

- Bãi bỏ Điều 6 Thông tư số 13/2025/TT-BGDĐT ngày 12/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực giáo dục (sau đây gọi tắt là Thông tư số 13/2025/TT-BGDĐT).

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

14. Thủ tục hành chính 19: Công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia (1.000288)

a) Nội dung cắt giảm

Bãi bỏ TTHC, theo đó:

- Bãi bỏ 06 điều kiện kinh doanh đã công bố;
- Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 03 tháng và 20 ngày làm việc.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ Điều 37, Điều 38, Điều 39 Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non (sau đây gọi tắt là Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT);

- Bãi bỏ khoản 20, khoản 21 Điều 3 Thông tư số 22/2024/TT-BGDĐT.

- Bãi bỏ Điều 8 Thông tư số 13/2025/TT-BGDĐT
- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

15. Thủ tục hành chính 20: Công nhận trường trung học đạt chuẩn quốc gia (1.000691)

a) Nội dung cắt giảm

Bãi bỏ TTHC, theo đó:

- Bãi bỏ 06 điều kiện kinh doanh đã công bố;
- Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 03 tháng và 20 ngày làm việc.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ Điều 37, Điều 38, Điều 39 Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (sau đây gọi tắt là Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT);

- Bãi bỏ khoản 21, khoản 22 Điều 2 Thông tư số 22/2024/TT-BGDĐT;
- Bãi bỏ Điều 7 Thông tư số 13/2025/TT-BGDĐT.
- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

16. Thủ tục hành chính 21: Phê duyệt việc dạy và học bằng tiếng nước ngoài (1.005143)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bỏ 07 điều kiện kinh doanh về: Cơ sở vật chất, thiết bị; kiểm định chất lượng giáo dục; học phí, sử dụng và quản lý học phí tại Điều 5, Điều 7, Điều 8 Quyết định số 72/2014/QĐ-TTg ngày 17/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ Quy định việc dạy và học bằng tiếng nước ngoài trong nhà trường và cơ sở giáo dục khác (sau đây gọi tắt là Quyết định số 72/2014/QĐ-TTg).

- Bãi bỏ thành phần hồ sơ: “Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng”; Tích hợp thành phần hồ sơ: văn bản đề nghị và Đề án dạy và học bằng tiếng nước ngoài tại khoản 1 Điều 9 Quyết định số 72/2014/QĐ-TTg.

- Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: từ tổng thời gian 20 ngày làm việc xuống còn 12 ngày làm việc.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung các Điều 5, 7, 8, 9, 10 Quyết định số 72/2014/QĐ-TTg ngày 17/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định việc dạy và học bằng tiếng nước ngoài trong nhà trường và cơ sở giáo dục khác.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

III. HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN

1. Thủ tục hành chính 1: Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên (3.000315)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bãi bỏ 01 điều kiện kinh doanh: “Có dự thảo quy chế tổ chức và hoạt động của trung tâm”.

- Bãi bỏ 01 thành phần hồ sơ: “Dự thảo quy chế tổ chức và hoạt động của trung tâm, gồm các nội dung chủ yếu sau đây: Vị trí pháp lý, nhiệm vụ, quyền hạn của trung tâm; tổ chức, bộ máy của trung tâm; tổ chức hoạt động giáo dục trong trung tâm; nhiệm vụ và quyền của đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, người lao động và người học; tài chính và tài sản của trung tâm; các vấn đề khác liên quan đến tổ chức và hoạt động của trung tâm”.

- Quy định tổng thời gian giải quyết TTHC từ 10 ngày và 05 ngày làm việc thành 08 ngày làm việc.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ khoản 4 Điều 43 và điểm đ khoản 2 Điều 44; Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 3 Điều 44 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

- Bãi bỏ điểm d khoản 2; điểm d khoản 3 Điều 32; sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 32 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

2. Thủ tục hành chính 2: Cho phép trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên hoạt động trở lại (3.000316)

a) Nội dung đơn giản hóa

Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC từ 07 ngày làm việc xuống 04 ngày làm việc.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 3 Điều 45 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

- Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 Điều 33 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

3. Thủ tục hành chính 3: Sáp nhập, chia, tách trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên (3.000317)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bãi bỏ 03 điều kiện kinh doanh: “Bảo đảm quyền, lợi ích của nhà giáo và người học”; “Góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục”; “Có dự thảo quy chế tổ chức và hoạt động của trung tâm và đưa nội dung thuyết minh vào Đề án sáp nhập, chia, tách trung tâm”.

- Quy định tổng thời gian giải quyết TTHC từ 10 ngày và 05 ngày làm việc thành 10 ngày làm việc.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi khoản 1; điểm b khoản 4 Điều 46 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

- Sửa đổi khoản 1, khoản 2 Điều 34 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

4. Thủ tục hành chính 4: Giải thể trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên (1.012957)

a) Nội dung đơn giản hóa

Quy định tổng thời gian giải quyết TTHC từ 10 ngày làm việc và 10 ngày thành 15 ngày làm việc.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi khoản 4 Điều 47 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

- Sửa đổi khoản 3 Điều 35 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

5. Thủ tục hành chính 5: Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên (3.000311)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bãi bỏ 02 điều kiện kinh doanh: “Có chương trình, tài liệu giảng dạy và học tập đáp ứng yêu cầu của các chương trình giáo dục thường xuyên thực hiện tại trung tâm theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo”; “Có dự thảo quy chế tổ chức và hoạt động của trung tâm”.

- Quy định tổng thời gian giải quyết TTHC từ 15 ngày và 05 ngày làm việc thành 15 ngày làm việc.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ điểm b, d khoản 1 Điều 32 và điểm đ khoản 2 Điều 33; Sửa đổi khoản 3 Điều 33 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

- Sửa đổi khoản 2 Điều 24 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

6. Thủ tục hành chính 6: Cho phép trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên hoạt động trở lại (3.000312)

a) Nội dung đơn giản hóa

Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC từ 07 ngày làm việc xuống 04 ngày làm việc.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi điểm c khoản 3 Điều 34 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

- Sửa đổi điểm c khoản 2 Điều 25 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

7. Thủ tục hành chính 7: Sáp nhập, chia, tách trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên (3.000313)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bãi bỏ 03 điều kiện kinh doanh: Bảo đảm quyền, lợi ích của nhà giáo và người học; Góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục; Có dự thảo quy chế tổ chức và hoạt động của trung tâm.

- Quy định tổng thời gian giải quyết TTHC từ 15 ngày và 05 ngày làm việc thành 10 ngày làm việc.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ điểm a, điểm b khoản 1 Điều 35; sửa đổi khoản 4 Điều 35 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

- Sửa đổi khoản 3 Điều 26 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

8. Thủ tục hành chính 8: Giải thể trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trung tâm) (3.000314)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bãi bỏ trường hợp giải thể trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên: “Mục tiêu và nội dung hoạt động trong quyết định thành lập trung tâm không còn phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội”.

- Quy định tổng thời gian giải quyết TTHC từ 15 ngày và 05 ngày làm việc thành 10 ngày làm việc.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ điểm b, c khoản 1 Điều 36; sửa đổi khoản 4 Điều 36 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

- Sửa đổi khoản 3 Điều 27 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

9. Thủ tục hành chính 9: Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm học tập cộng đồng (1.012969)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Bãi bỏ 01 điều kiện kinh doanh: “Có chương trình giáo dục, kế hoạch học tập, tài liệu học tập phù hợp với các hoạt động giáo dục tại trung tâm theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo”.

- Quy định tổng thời gian giải quyết TTHC từ 10 ngày làm việc và 10 ngày thành 12 ngày làm việc.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ khoản 2 Điều 37; sửa đổi khoản 3 Điều 38 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

- Sửa đổi khoản 3 Điều 28 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

10. Thủ tục hành chính 10: Cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại (1.012970)

a) Nội dung đơn giản hóa

Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC từ 07 ngày làm việc xuống 04 ngày làm việc.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi điểm c khoản 3 Điều 39 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

- Sửa đổi điểm c khoản 2 Điều 29 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

11. Thủ tục hành chính 11: Sáp nhập, chia, tách trung tâm học tập cộng đồng (3.000307)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bãi bỏ 02 điều kiện kinh doanh: “Bảo đảm quyền, lợi ích của nhà giáo và người học”; “Góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục và đưa nội dung thuyết minh vào Đề án sáp nhập, chia, tách trung tâm”.

- Quy định tổng thời gian giải quyết TTHC từ 10 ngày và 05 ngày làm việc thành 12 ngày làm việc.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi khoản 1, 2, 4 Điều 40 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

- Sửa đổi khoản 3 Điều 30 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

12. Thủ tục hành chính 12: Giải thể trung tâm học tập cộng đồng (3.000308)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bãi bỏ 01 trường hợp giải thể trung tâm học tập cộng đồng: “Mục tiêu và nội dung hoạt động trong quyết định thành lập trung tâm không còn phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội”.

- Quy định tổng thời gian giải quyết TTHC từ 15 ngày và 05 ngày làm việc thành 12 ngày làm việc.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ điểm c Khoản 1 Điều 41; Sửa đổi khoản 2, điểm a khoản 4 Điều 41 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

- Sửa đổi khoản 3 Điều 31 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

13. Thủ tục hành chính 13: Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập (1.012957)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bãi bỏ điều kiện: “Có dự thảo quy chế tổ chức và hoạt động của trung tâm”.

- Tích hợp và rút gọn 05 điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị và dịch vụ hỗ trợ phù hợp với đặc điểm người khuyết tật tại khoản 2 Điều 48 thành 01 điều kiện và dẫn chiếu đến quy định theo tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Quy định tổng thời gian giải quyết TTHC từ 10 ngày làm việc và 10 ngày thành 12 ngày làm việc.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ khoản 5 Điều 48; Sửa đổi khoản 2 Điều 48, khoản 3 Điều 49 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

- Sửa đổi khoản 3 Điều 36 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

14. Thủ tục hành chính 14: Cho phép trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập hoạt động giáo dục trở lại (3.000318)

a) Nội dung đơn giản hóa

Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 07 ngày làm việc xuống 05 ngày làm việc.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi điểm c khoản 3 Điều 50 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

- Sửa đổi điểm c khoản 2 Điều 37 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

15. Thủ tục hành chính 15: Sáp nhập, chia, tách trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập (3.000319)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bãi bỏ 03 điều kiện: “Bảo đảm quyền, lợi ích của nhà giáo và người học”; “Góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục”; “Có dự thảo quy chế tổ chức và hoạt động của trung tâm và đưa nội dung thuyết minh vào Đề án sáp nhập, chia, tách trung tâm”.

- Tích hợp và rút gọn 05 điều kiện về cơ sở vật chất, phương tiện, thiết bị và dịch vụ hỗ trợ phù hợp với đặc điểm người khuyết tật thành 01 điều kiện và dẫn chiếu đến quy định theo tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Quy định tổng thời gian giải quyết TTHC từ 10 ngày làm việc và 15 ngày thành 14 ngày làm việc.

b) Kiến nghị thực thi

- Đề xuất bãi bỏ điểm b, c, d khoản 1 Điều 51 Luật Giáo dục 2019.

- Bãi bỏ khoản 5 Điều 48; Sửa đổi khoản 2 Điều 48, khoản 3 Điều 49, khoản 4 Điều 51 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

- Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1, khoản 3 Điều 38 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: Theo lộ trình sửa Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn thi hành.

16. Thủ tục hành chính 16: Giải thể trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trung tâm) (3.000320)

a) Nội dung đơn giản hóa

Quy định tổng thời gian giải quyết TTHC từ 10 ngày làm việc và 15 ngày thành 14 ngày làm việc.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi khoản 4 Điều 52 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

- Sửa đổi khoản 3 Điều 39 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

IV. HOẠT ĐỘNG CỦA TRƯỜNG CHUYÊN BIỆT

1. Thủ tục hành chính 1: Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông chuyên (1.012958)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Quy định tổng thời gian giải quyết TTHC từ 20 ngày và 10 ngày làm việc thành 17 ngày làm việc.

- Gộp hai điều kiện về Đề án thành lập, cho phép thành lập trường thành một điều kiện chung: “Có đề án thành lập hoặc cho phép thành lập trường phù hợp với quy hoạch của tỉnh và các quy hoạch liên quan của địa phương nơi trường đặt trụ sở, được lập theo Mẫu số 02 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo”.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung Điều 70; khoản 3 Điều 26 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

2. Thủ tục hành chính 2: Cho phép trường trung học phổ thông chuyên hoạt động giáo dục (1.005008)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Quy định tổng thời gian giải quyết TTHC từ 20 ngày và 10 ngày làm việc thành 17 ngày làm việc.

- Bãi bỏ điểm d khoản 1 Điều 27: “Có quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường.”

- Tích hợp, rút gọn điều kiện “Đối với khu vực nội thành của các đô thị loại đặc biệt, có thể thay thế diện tích khu đất xây dựng trường bằng diện tích sàn xây dựng và bảo đảm diện tích sàn xây dựng không thấp hơn diện tích đất bình quân tối thiểu cho một học sinh theo quy định” vào cùng điều kiện về đất đai tại khoản 1 Điều 27 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP thành “Có đất đai, cơ sở vật chất, thiết bị đáp ứng các tiêu chuẩn về địa điểm, quy mô, diện tích và cơ sở vật chất đối với trường trung học phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, trong đó, khu vực nội thành của các đô thị loại đặc biệt, diện

tích sàn xây dựng được tính tương đương diện tích đất, nhưng không thấp hơn diện tích bình quân tối thiểu cho mỗi học sinh”.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Điều 72, khoản 1 Điều 27; bãi bỏ điểm đ khoản 1 Điều 27 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

- Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 47 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

3. Thủ tục hành chính 3: Cho phép trường trung học phổ thông chuyên hoạt động trở lại (1.004988)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Bổ sung quy định gửi 01 bộ hồ sơ quy định qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

- Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC từ 07 ngày làm việc xuống 05 ngày làm việc.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 3 Điều 29 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

- Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 Điều 20 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

4. Thủ tục hành chính 4: Sáp nhập, chia, tách trường trung học phổ thông chuyên (1.004999)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Quy định tổng thời gian giải quyết TTHC từ 20 ngày và 10 ngày làm việc thành 14 ngày làm việc.

- Bãi bỏ 03 điều kiện: “Đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội”; “Bảo đảm quyền, lợi ích của nhà giáo và người học”; “Góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục và đưa nội dung thuyết minh vào Đề án sáp nhập, chia, tách nhà trường”.

b) Kiến nghị thực thi

- Đề xuất bãi bỏ điểm b, c, d khoản 1 Điều 51, Luật Giáo dục.
- Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 30 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.
- Sửa đổi, bổ sung khoản 3, 4 Điều 21 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.
- Lộ trình thực hiện: Theo lộ trình sửa Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn thi hành.

5. Thủ tục hành chính 5: Giải thể trường trung học phổ thông chuyên (1.004991)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC từ 20 ngày xuống 10 ngày.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 31 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.
- Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 22 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP
- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

6. Thủ tục hành chính 6: Thành lập hoặc cho phép thành lập trường dành cho người khuyết tật (3.000301)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC từ 20 ngày và 10 ngày làm việc thành 17 ngày làm việc.

- Gộp hai điều kiện về Đề án thành lập, cho phép thành lập trường thành một điều kiện chung: “Trường dành cho người khuyết tật được thành lập ở cấp học mầm non và phổ thông khi có đề án phù hợp với quy hoạch hệ thống cơ sở giáo dục chuyên biệt và trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập, được lập theo Mẫu số 02 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo”.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung Điều 80; khoản 3 Điều 81 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 52 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

7. Thủ tục hành chính 7: Cho phép trường dành cho người khuyết tật hoạt động giáo dục (3.000302)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Quy định tổng thời gian giải quyết TTHC từ 20 ngày và 10 ngày làm việc thành 17 ngày làm việc.

- Bỏ điều kiện: “Có quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường” tương ứng với từng cấp học.

- Tích hợp, rút gọn điều kiện “Đối với khu vực nội thành của các đô thị loại đặc biệt, có thể thay thế diện tích khu đất xây dựng trường bằng diện tích sàn xây dựng và bảo đảm diện tích sàn xây dựng không thấp hơn diện tích đất bình quân tối thiểu cho một học sinh theo quy định” vào cùng điều kiện về đất đai tại khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 17, khoản 1 Điều 27 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP tương ứng với từng cấp học (tương tự đã đề xuất tại các thủ tục cho phép hoạt động trường tiểu học, trường trung học).

- Tích hợp và rút gọn 03 điều kiện về cơ sở vật chất, phương tiện, thiết bị và dịch vụ hỗ trợ phù hợp với đặc điểm người khuyết tật thành 01 điều kiện và dẫn chiếu đến quy định theo tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi điểm a, b, c khoản 3 Điều 82, khoản 3 Điều 83, khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 17, khoản 1 Điều 27 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

- Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 53 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

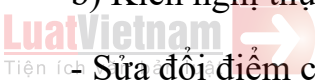
8. Thủ tục hành chính 8: Cho phép trường dành cho người khuyết tật hoạt động giáo dục trở lại (3.000303)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Bổ sung quy định gửi 01 bộ hồ sơ quy định qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

- Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC từ 07 ngày làm việc xuống 05 ngày làm việc.

b) Kiến nghị thực thi

 Sửa đổi điểm c khoản 1 Điều 84 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

- Sửa đổi điểm b khoản 2 Điều 54 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

9. Thủ tục hành chính 9: Sáp nhập, chia, tách trường dành cho người khuyết tật (3.000304)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Quy định tổng thời gian giải quyết TTHC từ 15 ngày làm việc và 20 ngày thành 20 ngày làm việc.

- Bãi bỏ 03 điều kiện: “Đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội”; “Bảo đảm quyền, lợi ích của nhà giáo và người học”; “Góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục và đưa nội dung thuyết minh vào Đề án sáp nhập, chia, tách nhà trường”.

b) Kiến nghị thực thi

- Đề xuất bãi bỏ điểm b, c, d khoản 1 Điều 51, Luật Giáo dục.

- Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2 Điều 84 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

- Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 Điều 54 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: Theo lộ trình sửa Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn thi hành.

10. Thủ tục hành chính 10: Giải thể trường dành cho người khuyết tật (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường) (3.000305)

a) Nội dung đơn giản hóa

Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC từ 20 ngày xuống 10 ngày.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 3 Điều 84 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

- Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 3 Điều 54 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

11. Thủ tục hành chính 11: Thành lập hoặc cho phép thành lập lớp dành cho người khuyết tật trong trường trung học phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên thực hiện chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông (3.000306); Thủ tục hành chính 12: Thành lập lớp dành cho người khuyết tật trong trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở và trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên thực hiện các chương trình xóa mù chữ và chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở (3.000309)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Quy định tổng thời gian giải quyết TTHC từ 10 ngày làm việc và 20 ngày thành 17 ngày làm việc.

- Tích hợp và rút gọn 03 điều kiện về cơ sở vật chất, phương tiện, thiết bị và dịch vụ hỗ trợ phù hợp với đặc điểm người khuyết tật thành 01 điều kiện và dẫn chiếu đến quy định theo tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 4 Điều 85; khoản 3 Điều 82 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

- Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 3 Điều 55 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

12. Thủ tục hành chính 13: Thành lập hoặc cho phép thành lập trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao (1.012959)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Quy định tổng thời gian giải quyết TTHC từ 20 ngày và 10 ngày làm việc thành 17 ngày làm việc.

- Gộp hai điều kiện về Đề án thành lập, cho phép thành lập trường thành một điều kiện chung: “Có đề án thành lập hoặc cho phép thành lập trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao phù hợp với quy hoạch tỉnh và các quy hoạch có liên quan của địa phương nơi trường đặt trụ sở, được lập theo Mẫu số 02 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo”.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung Điều 75; khoản 3 Điều 76 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.
- Sửa đổi, bổ sung Điều 49 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.
- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

13. Thủ tục hành chính 14: Cho phép trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao hoạt động giáo dục (3.000297)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bỏ điều kiện: “Có quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường” tương ứng với từng cấp học.

- Tích hợp, rút gọn điều kiện “Đối với khu vực nội thành của các đô thị loại đặc biệt, có thể thay thế diện tích khu đất xây dựng trường bằng diện tích sàn xây dựng và bảo đảm diện tích sàn xây dựng không thấp hơn diện tích đất bình quân tối thiểu cho một học sinh theo quy định” vào cùng điều kiện về đất đai tại khoản 1 Điều 17, khoản 1 Điều 27 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP tương ứng với từng cấp học (tương tự đã đề xuất tại các thủ tục cho phép hoạt động trường tiểu học, trường trung học).

- Quy định tổng thời gian giải quyết TTHC từ 10 ngày làm việc và 15 ngày thành 14 ngày làm việc.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 17, khoản 1 Điều 27, Điều 77, khoản 3 Điều 78 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.
- Sửa đổi khoản 3 Điều 50 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.
- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

14. Thủ tục hành chính 15: Cho phép trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao hoạt động giáo dục trở lại (3.000298)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Bổ sung quy định gửi 01 bộ hồ sơ quy định qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.
- Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC từ 07 ngày làm việc xuống 04 ngày làm việc.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi điểm c khoản 1 Điều 79 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.
- Sửa đổi điểm c khoản 1 Điều 51 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.
- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

15. Thủ tục hành chính 16: Sáp nhập, chia, tách trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao (3.000299)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Quy định tổng thời gian giải quyết TTHC từ 20 ngày và 10 ngày làm việc thành 17 ngày làm việc.
- Bãi bỏ 03 điều kiện: “Đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội”; “Bảo đảm quyền, lợi ích của nhà giáo và người học”; “Góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục và đưa nội dung thuyết minh vào Đề án sáp nhập, chia, tách nhà trường”.

b) Kiến nghị thực thi

- Đề xuất bãi bỏ điểm b, c, d khoản 1 Điều 51, Luật Giáo dục.
- Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2 Điều 79 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.
- Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 Điều 51 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.
- Lộ trình thực hiện: Theo lộ trình sửa Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn thi hành.

16. Thủ tục hành chính 17: Giải thể trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường) (3.000300)

a) Nội dung đơn giản hóa

Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC từ 20 ngày xuống 10 ngày.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 3 Điều 79 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.
- Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 3 Điều 51 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.
- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

V. HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN GIÁO DỤC NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM, PHÂN HIỆU CƠ SỞ GIÁO DỤC CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

1. Thủ tục hành chính 1: Cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam (1.000939)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Chuyển điều kiện: “Đến thời điểm thẩm định cho phép hoạt động giáo dục, giá trị đầu tư phải thực hiện được trên 50% tổng số vốn đầu tư và nhà đầu tư phải cam kết đầu tư đủ số vốn trong thời hạn 5 năm kể từ ngày có quyết định cho phép hoạt động.” sang điều kiện cho phép hoạt động.

- Đơn giản hóa 12 điều kiện thành 02 điều kiện chung về cơ sở vật chất đối với cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông và dẫn chiếu đến tiêu chuẩn cơ sở vật chất trường, lớp học của Bộ GDĐT; tích hợp 06 quy định tại điều kiện về đội ngũ nhà giáo đối với cơ sở giáo dục phổ thông thành 02 điều kiện tương ứng với từng cấp học mầm non, phổ thông và dẫn chiếu đến quy định của Bộ.

- Giảm thời gian giải quyết tại điểm a khoản 2 Điều 42 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP: sửa trong thời hạn 05 ngày làm việc thành 03 ngày làm việc; điểm a khoản 2 Điều 42 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP: sửa trong thời hạn 10 ngày làm việc thành 07 ngày làm việc; điểm d khoản 2 Điều 42 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP: sửa trong thời hạn 30 ngày làm việc thành 20 ngày làm việc.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi khoản 1 Điều 35; khoản 2, khoản 3 Điều 36; khoản 2, khoản 3 Điều 38; Điều 42 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06/6/2018 của Chính phủ quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục (sau đây gọi tắt là Nghị định số 86/2018/NĐ-CP);

- Sửa đổi điểm a, c khoản 18, điểm b, c khoản 19, điểm a khoản 20 Điều 1 Nghị định số 124/2024/NĐ-CP ngày 05/10/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06/6/2018 của Chính phủ quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục (sau đây gọi tắt là Nghị định số 124/2024/NĐ-CP).

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

2. Thủ tục hành chính 2: Giải thể cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam (1.000716)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Gộp điểm a, b khoản 3 Điều 51 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP thành 1 hồ sơ gồm Đơn đề nghị giải thể, chấm dứt hoạt động của cơ sở giáo dục kèm theo Phương án giải thể, chấm dứt hoạt động của cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài.

- Điểm c khoản 4 Điều 51 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP; Nghị định số 124/2024/NĐ-CP: sửa 30 ngày làm việc thành 20 ngày làm việc.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung điểm a, b khoản 3 Điều 51 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP; điểm c khoản 4 Điều 51 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP, Nghị định số 124/2024/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

3. Thủ tục hành chính 3: Cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam theo đề nghị của cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ (2.000545)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bỏ quy định thành phần hồ sơ về văn bản chấp thuận việc thành lập cơ sở giáo dục tại địa phương và chấp thuận về nguyên tắc cho thuê đất của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi cơ sở giáo dục dự kiến thành lập hoặc thỏa thuận về nguyên tắc thuê đất hoặc cơ sở vật chất sẵn có.

- Đơn giản hóa 12 điều kiện thành 02 điều kiện chung về cơ sở vật chất đối với cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông và dẫn chiếu đến tiêu chuẩn cơ sở vật chất trường, lớp học của Bộ GDĐT; tích hợp 06 quy định tại điều kiện về đội ngũ nhà giáo đối với cơ sở giáo dục phổ thông thành 02 điều kiện tương ứng với từng cấp học mầm non, phổ thông và dẫn chiếu đến quy định của Bộ.

- Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: Từ tổng thời gian giải quyết 30 ngày làm việc xuống 20 ngày làm việc.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 35, khoản 2, 3 Điều 36, khoản 2, 3 Điều 38, Điều 42 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP; khoản 19 Điều 1 Nghị định số 124/2024/NĐ-CP.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 2 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 143/2025/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

4. Thủ tục hành chính 4: Giải thể cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ thành lập, phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam (2.000462)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Rút gọn 06 điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị đối với cơ sở giáo dục mầm non thành 01 điều kiện chung: “Có đất đai, cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng các tiêu chuẩn về địa điểm, quy mô, diện tích và cơ sở vật chất tối thiểu đối với trường mầm non theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo”.

- Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: Từ tổng thời gian giải quyết 30 ngày làm việc xuống 20 ngày làm việc.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung Điều 36 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP; khoản 19 Điều 1 Nghị định số 124/2024/NĐ-CP.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 2 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 143/2025/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

5. Thủ tục hành chính 5: Bổ sung, điều chỉnh quyết định cho phép hoạt động giáo dục đối với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam (1.000718)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Bỏ “trong đó có nội dung và lý do bổ sung, điều chỉnh kèm theo các giấy tờ quy định tại các khoản 2, 3, 4 và 5 Điều 46 Nghị định này” tại khoản 2 Điều 49 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP và điều chỉnh theo mẫu cụ thể.

- Khoản 3 Điều 49 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP; Nghị định số 124/2024/NĐ-CP: sửa 20 ngày làm việc thành 13 ngày làm việc; sửa “Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ...” thành “03 ngày làm việc”.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung Điều 46; khoản 2, khoản 3 Điều 49 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP.

LuatVietnam
Tiện ích
Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

6. Thủ tục hành chính 6: Cho phép hoạt động giáo dục đối với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam (1.006446)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bỏ 02 điều kiện: “Có Quyết định thành lập cơ sở giáo dục mầm non/cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài; hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn có vốn đầu tư nước ngoài”; “Có quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục mầm non/cơ sở giáo dục phổ thông phù hợp với quy định của pháp luật”.

- Điểm a khoản 6 Điều 46 Nghị định 86/2018/NĐ-CP: bỏ cụm từ “Chương trình môn học”, chỉ giữ lại “nội dung giáo dục bắt buộc”

- Khoản 2 Điều 48 Nghị định 86/2018/NĐ-CP: Trong thời hạn 20 ngày làm việc và điểm c khoản 28 Điều 1 Nghị định 124/2024/NĐ-CP: sửa “trong thời hạn 30 ngày (đối với hồ sơ của cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông dạy chương trình giáo dục của nước ngoài cho học sinh Việt Nam)”, thành “20 ngày”; Sửa “trong thời hạn 05 ngày làm việc” thành “03 ngày làm việc”; Sửa “trong thời hạn 05 ngày làm việc” thành “03 ngày làm việc”.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung Điều 46, khoản 2 Điều 48, khoản 3 Điều 49 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

7. Thủ tục hành chính 7: Cho phép hoạt động giáo dục trở lại đối với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam (1.001495)

a) Nội dung đơn giản hóa

Sửa trong thời hạn 20 ngày làm việc thành 13 ngày làm việc (thời hạn thẩm định hồ sơ); sửa trong thời hạn 05 ngày làm việc thành 03 ngày làm việc (thời hạn xem xét hồ sơ hợp lệ).

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung khoản 7 Điều 50 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.



8. Thủ tục hành chính 8: Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận (1.008722); Thủ tục hành chính 9: Chuyển đổi trường trung học phổ thông tư thục, trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông do nhà đầu tư trong nước đầu tư; cơ sở giáo dục phổ thông tư thục do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận (1.008723)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bãi bỏ thành phần hồ sơ: “Quyết định thành lập nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục, quyết định công nhận hội đồng trường đương nhiệm, quyết định công nhận hiệu trưởng đương nhiệm của nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục và các tài liệu liên quan khác (nếu có)”; “Quyết định thành lập trường trung học phổ thông tư thục, trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông tư thục, quyết định công nhận hội đồng trường đương nhiệm, quyết định công nhận hiệu trưởng đương nhiệm của trường trung học phổ thông tư thục, trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông tư thục và các tài liệu liên quan khác (nếu có)”.

- Mẫu hóa 03 thành phần hồ sơ: Tờ trình đề nghị chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận; Tờ trình đề nghị chuyển đổi cơ sở giáo dục phổ thông tư thục sang cơ sở giáo dục phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận theo Mẫu số 08 tại Phụ lục kèm theo Quyết định này; Báo cáo đánh giá tác động của việc chuyển đổi về nhân sự, tài chính, tài sản và phương án xử lý theo Mẫu số 09 tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

- Sửa trong thời hạn 20 ngày làm việc thành 13 ngày làm việc (thời hạn thẩm định hồ sơ); sửa trong thời hạn 05 ngày làm việc thành 03 ngày làm việc (thời hạn xem xét hồ sơ hợp lệ).

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung Điều 6, 7 Nghị định số 84/2020/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

9. Thủ tục hành chính 10: Chuyển đổi cơ sở giáo dục mầm non tư thục do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị sang cơ sở giáo dục mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận (1.008720); Thủ tục hành chính 11: Chuyển đổi cơ sở giáo dục phổ thông tư thục do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị sang cơ sở giáo dục phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận (1.008721)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Giảm thời gian giải quyết từ 20 ngày làm việc xuống 14 ngày làm việc.

- Bãi bỏ thành phần hồ sơ: “Quyết định thành lập nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục, quyết định công nhận hội đồng trường đương nhiệm, quyết định công nhận hiệu trưởng đương nhiệm của nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục và các tài liệu liên quan khác (nếu có)”; “Quyết định thành lập trường trung học phổ thông tư thục, trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông tư thục, quyết định công nhận hội đồng trường đương nhiệm, quyết định công nhận hiệu trưởng đương nhiệm của trường trung học phổ thông tư thục, trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông tư thục và các tài liệu liên quan khác (nếu có)”.

- Mẫu hóa 03 thành phần hồ sơ: Tờ trình đề nghị chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận; Tờ trình đề nghị chuyển đổi cơ sở giáo dục phổ thông tư thục sang cơ sở giáo dục phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận theo Mẫu số 08 tại Phụ lục kèm theo Quyết định này; Báo cáo đánh giá tác động của việc chuyển đổi về nhân sự, tài chính, tài sản và phương án xử lý theo Mẫu số 09 tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Điều 6, 7 Nghị định 84/2020/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

10. Thủ tục hành chính 12: Thành lập văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài tại Việt Nam (2.000130)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bãi bỏ 03 điều kiện: “Có điều lệ, tôn chỉ, mục đích hoạt động rõ ràng”; “Có quy chế tổ chức, hoạt động của văn phòng đại diện dự kiến thành lập tại Việt Nam phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam”; “Có địa điểm đặt trụ sở văn phòng đại diện hợp pháp và bảo đảm trật tự, an toàn vệ sinh lao động theo quy định của pháp luật”.

- Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: Từ tổng thời gian giải quyết 30 ngày làm việc xuống 20 ngày làm việc.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 53 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 53 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 5 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 143/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo (sau đây gọi tắt là Nghị định số 143/2025/NĐ-CP).

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

11. Thủ tục hành chính 13: Sửa đổi, bổ sung, gia hạn và cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài tại Việt Nam (1.000159)

a) Nội dung đơn giản hóa

Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: Từ tổng thời gian giải quyết 20 ngày làm việc xuống 15 ngày làm việc.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi bổ sung Điều 60 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 5 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 143/2025/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

12. Thủ tục hành chính 14: Đăng ký hoạt động của Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam (1.001492)

a) Nội dung cắt giảm

Bãi bỏ TTHC, theo đó, cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 20 ngày làm việc.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi bổ sung Điều 59 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

13. Thủ tục hành chính 15: Chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam theo đề nghị của tổ chức, cơ sở giáo dục nước ngoài thành lập văn phòng đại diện (1.001501)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bãi bỏ thành phần hồ sơ: Có phương án giải quyết tài chính, tài sản.

- Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: Từ tổng thời gian giải quyết 20 ngày làm việc xuống 15 ngày làm việc.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi bổ sung Điều 61 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP.
- Sửa đổi, bổ sung Điều 5 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 143/2025/NĐ-CP.
- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

VI. HOẠT ĐỘNG LIÊN KẾT ĐÀO TẠO VỚI NƯỚC NGOÀI

1. Thủ tục hành chính 1: Phê duyệt liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài (2.000729); Thủ tục hành chính 2: Gia hạn, điều chỉnh hoạt động liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài (2.000691); Thủ tục hành chính 3: Chấm dứt liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài (2.000688)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Thay thế nhóm thủ tục phê duyệt, gia hạn, điều chỉnh, chấm dứt hoạt động liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài thành thủ tục đăng ký hoạt động liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài và phân cấp thẩm quyền giải quyết từ Bộ trưởng Bộ GDĐT cho Giám đốc Sở GDĐT. Theo đó:

- Cụ thể hóa các yêu cầu điều kiện;
- Giảm thời hạn giải quyết TTHC từ 20 ngày xuống 05 ngày làm việc;
- Bỏ quy định về thời hạn liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài không quá 05 năm kể từ ngày được phê duyệt. Do đó, bãi bỏ thủ tục gia hạn hoạt động liên kết tổ chức thi.

b) Kiến nghị thực thi

- Đề xuất sửa đổi, bổ sung một số điều của 02 Luật:
 - + Luật Đầu tư: Bổ sung hoạt động liên kết tổ chức thi, cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài trong Danh mục ngành nghề kinh doanh có điều kiện tại Phụ lục IV (chỉ có Hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài).
 - + Luật Giáo dục: Sửa đổi bổ sung khoản 3 Điều 108, bổ sung liên kết tổ chức thi, cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài là hình thức hợp tác, đầu tư của nước ngoài về giáo dục tại Việt Nam.
- Sửa đổi bổ sung Nghị định số 86/2018/NĐ-CP; Nghị định số 124/2024/NĐ-CP tại:

+ Khoản 2 Điều 18; khoản 4 Điều 20 “Chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài phải được công nhận hợp pháp ở nước sở tại và có giá trị sử dụng phổ biến trên thế giới.”;

+ Khoản 2 Điều 21 (Yêu cầu quy cách của hồ sơ cụ thể hơn);

+ Khoản 2 Điều 22: Sửa thẩm quyền Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài thành Giám đốc Sở GDĐT cấp giấy phép đăng ký hoạt động liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài. Từ đó sửa các nội dung liên quan.

+ Điểm b, khoản 2 Điều 23: Giảm thời hạn giải quyết từ 20 ngày xuống 5 ngày làm việc (nếu chuyển thành thủ tục đăng ký).

+ Điều 24: Bỏ quy định thời hạn liên kết.

- Bãi bỏ Thông tư số 11/2022/TT-BGDĐT ngày 26/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài (sau đây gọi tắt là Thông tư số 11/2022/TT-BGDĐT).

- Lộ trình thực hiện: Theo lộ trình sửa Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Thủ tục hành chính 4: Phê duyệt liên kết giáo dục (1.001499)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Đơn giản hóa, tích hợp 03 điều kiện về đội ngũ nhà giáo thành 1 điều kiện chung và dẫn chiếu đến Điều lệ, quy chế tổ chức hoạt động của cơ sở giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: Từ tổng thời gian giải quyết 15 ngày làm việc xuống 10 ngày làm việc.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung Điều 7 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP;

- Sửa đổi khoản 5 Điều 1 Nghị định số 124/2024/NĐ-CP;

- Sửa đổi Điều 3, Điều 4 Thông tư số 04/2020/TT-BGDĐT ngày 18/3/2020 của bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 86/2018/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

3. Thủ tục hành chính 5: Gia hạn, điều chỉnh hoạt động liên kết giáo dục (1.001497)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bỏ các điều kiện đã công bố: “Các bên liên kết thực hiện đúng quy định trong quyết định phê duyệt liên kết”; “Không vi phạm pháp luật Việt Nam và pháp luật nước ngoài”.

- Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: Từ tổng thời gian giải quyết 10 ngày làm việc xuống 06 ngày làm việc.

b) Kiến nghị thực thi

- Chuẩn hóa công bố thủ tục Gia hạn, điều chỉnh hoạt động liên kết giáo dục (1.001497).

- Sửa đổi, bổ sung Điều 12 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

VII. KINH DOANH DỊCH VỤ TƯ VẤN DU HỌC

1. Thủ tục hành chính 1: Cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học (1.005061)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bãi bỏ 03 điều kiện:

+ Có trụ sở hoạt động ổn định, cơ sở vật chất, trang thiết bị để tổ chức hoạt động tư vấn du học; tài liệu giới thiệu, tư vấn thông tin về chính sách giáo dục của các quốc gia và vùng lãnh thổ; tài liệu tư vấn thông tin về trường học, khóa học, ngành nghề và trình độ đào tạo.

+ Có đội ngũ nhân viên trực tiếp tư vấn du học đáp ứng các yêu cầu sau:

+) Có trình độ đại học trở lên; có năng lực sử dụng ít nhất một ngoại ngữ từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam và tương đương;

+) Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ tư vấn du học theo quy định.

- Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: Từ tổng thời gian giải quyết 30 ngày làm việc xuống 20 ngày làm việc.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung Điều 116, 117 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

2. Thủ tục hành chính 2: Đề nghị được kinh doanh dịch vụ tư vấn du học trở lại (2.001987)

a) Nội dung đơn giản hóa

Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: Từ tổng thời gian giải quyết 07 ngày làm việc xuống 05 ngày làm việc.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung Điều 118 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

3. Thủ tục hành chính 3: Điều chỉnh, bổ sung, gia hạn giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học (1.012960)

a) Nội dung đơn giản hóa

Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: Từ tổng thời gian giải quyết 20 ngày làm việc xuống 13 ngày làm việc.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung Điều 117 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

VIII. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Thủ tục hành chính 1: Cấp giấy chứng nhận chất lượng giáo dục đối với trung tâm giáo dục thường xuyên (1.000259)

a) Nội dung cắt giảm

Bãi bỏ TTHC, theo đó:

- Bãi bỏ 06 điều kiện kinh doanh đã công bố;

- Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 03 tháng và 20 ngày làm việc.

b) Kiến nghị thực thi

- Đề xuất sửa đổi, bổ sung Điều 110 Luật Giáo dục.

- Bãi bỏ Điều 31, Điều 32, Điều 33 Thông tư số 42/2012/TT-BGDĐT ngày 23/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục và quy trình, chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên.

- Lộ trình thực hiện: Theo lộ trình sửa Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Thủ tục hành chính 2: Cấp Chứng nhận trường tiểu học đạt kiểm định chất lượng giáo dục (1.000713)

a) Nội dung cắt giảm

Bãi bỏ TTHC, theo đó:

- Bãi bỏ 06 điều kiện kinh doanh đã công bố;
- Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 03 tháng và 20 ngày làm việc.

b) Kiến nghị thực thi

- Đề xuất sửa đổi, bổ sung Điều 110 Luật Giáo dục.
- Bãi bỏ Điều 34, Điều 35, Điều 36 Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT.
- Bãi bỏ khoản 18 Điều 1 Thông tư số 22/2024/TT-BGDĐT.
- Bãi bỏ Điều 6 Thông tư số 13/2025/TT-BGDĐT.
- Lộ trình thực hiện: Theo lộ trình sửa Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn thi hành.

3. Thủ tục hành chính 3: Cấp Chứng nhận trường mầm non đạt kiểm định chất lượng giáo dục (1.000715)

a) Nội dung cắt giảm

Bãi bỏ TTHC, theo đó:

- Bãi bỏ 06 điều kiện kinh doanh đã công bố;
- Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 03 tháng và 20 ngày làm việc.

b) Kiến nghị thực thi

- Đề xuất sửa đổi, bổ sung Điều 110 Luật Giáo dục.
- Bãi bỏ Điều 34, Điều 35, Điều 36 Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT.

- Bãi bỏ khoản 19 Điều 3 Thông tư số 22/2024/TT-BGDĐT.

- Bãi bỏ Điều 8 Thông tư số 13/2025/TT-BGDĐT.

- Lộ trình thực hiện: Theo lộ trình sửa Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn thi hành.

4. Thủ tục hành chính 4: Cấp Chứng nhận trường trung học đạt kiểm định chất lượng giáo dục (1.000711)

a) Nội dung cắt giảm

Bãi bỏ TTHC, theo đó:

- Bãi bỏ 06 điều kiện kinh doanh đã công bố;

- Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 03 tháng và 20 ngày làm việc.

b) Kiến nghị thực thi

- Đề xuất sửa đổi, bổ sung Điều 110 Luật Giáo dục.

- Bãi bỏ Điều 34, Điều 35, Điều 36 Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT.

- Bãi bỏ khoản 20 Điều 2 Thông tư số 22/2024/TT-BGDĐT.

- Bãi bỏ Điều 7 Thông tư số 13/2025/TT-BGDĐT.

- Lộ trình thực hiện: Theo lộ trình sửa Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn thi hành.

IX. GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

1. Thủ tục hành chính 1: Thành lập trường cao đẳng sư phạm (1.012983)

a) Nội dung cắt giảm

Bãi bỏ TTHC, theo đó:

- Bãi bỏ 03 điều kiện kinh doanh đã công bố;

- Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 20 ngày.

b) Kiến nghị thực thi

- Đề xuất sửa đổi, bổ sung Điều 52 Luật Giáo dục.

- Sửa đổi điểm c khoản 1 Điều 1, Điều 86, Điều 87 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: Theo lộ trình sửa Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Thủ tục hành chính 2: Công nhận giám đốc trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thục (2.000632)

a) Nội dung cắt giảm

Bãi bỏ TTHC, theo đó, cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 20 ngày làm việc.

b) Kiến nghị thực thi

- Đề xuất sửa đổi, bổ sung Điều 13 Luật Giáo dục nghề nghiệp.

- Sửa đổi Điều 10 Thông tư số 57/2015/TT-BLĐTBXH ngày 25/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Điều lệ trung tâm giáo dục nghề nghiệp (sau đây gọi tắt là Thông tư số 57/2015/TT-BLĐTBXH), được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 5 Thông tư số 18/2018/TT-BLĐTBXH ngày 30/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư liên quan đến TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (sau đây gọi tắt là Thông tư số 18/2018/TT-BLĐTBXH).

- Lộ trình thực hiện: Theo lộ trình sửa Luật Giáo dục nghề nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành.

3. Thủ tục hành chính 3: Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trường cao đẳng (1.000252)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bãi bỏ 05 điều kiện kinh doanh: “Đối với trường cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài, thời gian hoạt động không quá 50 năm tính từ ngày quyết định cho phép thành lập. Trường hợp có thời gian hoạt động dài hơn 50 năm thì phải báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định”; “Có thư viện với các phần mềm và trang thiết bị phục vụ cho việc mượn, tra cứu, nghiên cứu tài liệu; có đủ nguồn thông tin tư liệu như sách, giáo trình, bài giảng của các mô đun, tín chỉ, học phần, môn học, các tài liệu liên quan đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập”; “Có đủ phòng làm việc, khu hành chính và khu hiệu bộ, bảo đảm đáp ứng cơ cấu tổ chức phòng, khoa, bộ môn chuyên môn, bảo đảm diện tích ít nhất là 06 m²/người đối với đào tạo trình độ trung cấp và 08 m²/người đối với đào tạo trình độ cao đẳng”; “Có các công trình xây dựng phục vụ hoạt động văn hoá, thể thao, giải trí và các công trình y tế, dịch vụ để phục vụ cán bộ quản lý, giáo viên, giảng viên và học sinh, sinh viên”; “Đối với trường cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài, thời gian hoạt động không quá 50 năm tính từ ngày quyết định cho phép thành lập. Trường hợp có thời gian hoạt động dài hơn 50 năm thì phải báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định”;

- Đơn giản hóa 03 điều kiện kinh doanh: “Có đủ chương trình, giáo trình đào tạo của từng nghề đăng ký hoạt động và phải được xây dựng, thẩm định, ban hành theo quy định của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội” thành “Có đủ chương trình”; “Có phòng học; phòng thí nghiệm; phòng, xưởng thực hành, thực tập; cơ sở sản xuất thử nghiệm đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học theo chương trình đào tạo, quy mô đào tạo của từng ngành, nghề. Diện tích phòng học lý thuyết; phòng, xưởng thực hành, thực tập dùng cho học tập, giảng dạy bảo đảm ở mức bình quân ít nhất là 5,5 m²/chỗ học” thành “Diện tích phòng học lý thuyết; phòng, xưởng thực hành, thực tập dùng cho học tập, giảng dạy bảo đảm ở mức bình quân ít nhất là 5,5 m²/chỗ học”; “Tỷ lệ học sinh, sinh viên/giáo viên, giảng viên tối đa là 25. Có số lượng giáo viên, giảng viên cơ hữu đảm nhận tối thiểu 60% khối lượng chương trình của mỗi ngành, nghề đào tạo” thành “Tỷ lệ học sinh, sinh viên/giáo viên, giảng viên tối đa là 25 học sinh, sinh viên/giáo viên, giảng viên; giáo viên, giảng viên cơ hữu đảm nhận tối thiểu 50% khối lượng chương trình của mỗi ngành, nghề đào tạo”.

- Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC từ 10 ngày làm việc xuống còn 07 ngày làm việc.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi điểm b khoản 1 Điều 14 và điểm c khoản 2 Điều 14 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP ngày 14/10/2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp (sau đây gọi tắt là Nghị định số 143/2016/NĐ-CP).

- Sửa đổi điểm a và điểm b khoản 6 Điều 5 Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và TTHC thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (sau đây gọi tắt là Nghị định số 140/2018/NĐ-CP).

- Sửa đổi khoản 2 và khoản 3 Điều 16 Nghị định số 15/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Giáo dục nghề nghiệp (sau đây gọi tắt là Nghị định số 15/2019/NĐ-CP).

- Sửa đổi khoản 13 Điều 1 và điểm k khoản 21 Điều 1 Nghị định số 24/2022/NĐ-CP ngày 06/4/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp (sau đây gọi tắt là Nghị định số 24/2022/NĐ-CP).

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

4. Thủ tục hành chính 4: Cấp giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trường cao đẳng (1.000249)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bãi bỏ 05 điều kiện kinh doanh: “Đối với trường cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài, thời gian hoạt động không quá 50 năm tính từ ngày quyết định cho phép thành lập. Trường hợp có thời gian hoạt động dài hơn 50 năm thì phải báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định”; “Có thư viện với các phần mềm và trang thiết bị phục vụ cho việc mượn, tra cứu, nghiên cứu tài liệu; có đủ nguồn thông tin tư liệu như sách, giáo trình, bài giảng của các mô đun, tín chỉ, học phần, môn học, các tài liệu liên quan đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập”; “Có đủ phòng làm việc, khu hành chính và khu hiệu bộ, bảo đảm đáp ứng cơ cấu tổ chức phòng, khoa, bộ môn chuyên môn, bảo đảm diện tích ít nhất là 06 m²/người đối với đào tạo trình độ trung cấp và 08 m²/người đối với đào tạo trình độ cao đẳng”; “Có các công trình xây dựng phục vụ hoạt động văn hoá, thể thao, giải trí và các công trình y tế, dịch vụ để phục vụ cán bộ quản lý, giáo viên, giảng viên và học sinh, sinh viên”; “Đối với trường cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài, thời gian hoạt động không quá 50 năm tính từ ngày quyết định cho phép thành lập. Trường hợp có thời gian hoạt động dài hơn 50 năm thì phải báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định”.

- Đơn giản hóa 03 điều kiện kinh doanh: “Có đủ chương trình, giáo trình đào tạo của từng nghề đăng ký hoạt động và phải được xây dựng, thẩm định, ban hành theo quy định của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội” thành “Có đủ chương trình”; “Có phòng học; phòng thí nghiệm; phòng, xưởng thực hành, thực tập; cơ sở sản xuất thử nghiệm đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học theo chương trình đào tạo, quy mô đào tạo của từng ngành, nghề. Diện tích phòng học lý thuyết; phòng, xưởng thực hành, thực tập dùng cho học tập, giảng dạy bảo đảm ở mức bình quân ít nhất là 5,5 m²/chỗ học” thành “Diện tích phòng học lý thuyết; phòng, xưởng thực hành, thực tập dùng cho học tập, giảng dạy bảo đảm ở mức bình quân ít nhất là 5,5 m²/chỗ học”; “Tỷ lệ học sinh, sinh viên/giáo viên, giảng viên tối đa là 25. Có số lượng giáo viên, giảng viên cơ hữu đảm nhận tối thiểu 60% khối lượng chương trình của mỗi ngành, nghề đào tạo” thành “Tỷ lệ học sinh, sinh viên/giáo viên, giảng viên tối đa là 25 học sinh, sinh viên/giáo viên, giảng viên; giáo viên, giảng viên cơ hữu đảm nhận tối thiểu 50% khối lượng chương trình của mỗi ngành, nghề đào tạo”.

- Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC từ 10 ngày làm việc xuống còn 07 ngày làm việc.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi điểm b khoản 1 Điều 14 và điểm c khoản 2 Điều 14 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP.

- Sửa đổi điểm a và điểm b khoản 6 Điều 5 Nghị định số 140/2018/NĐ-CP.

- Sửa đổi khoản 2 và khoản 3 Điều 16 Nghị định số 15/2019/NĐ-CP.

- Sửa đổi khoản 13 Điều 1 và điểm k khoản 21 Điều 1 Nghị định số 24/2022/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

5. Thủ tục hành chính 5: Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp (2.000189)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Bãi bỏ 06 điều kiện kinh doanh: “Có đủ chương trình, giáo trình đào tạo của từng nghề đăng ký hoạt động và phải được xây dựng, thẩm định, ban hành theo quy định của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội”; “Đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, thời gian hoạt động không quá 50 năm tính từ ngày quyết định cho phép thành lập. Trường hợp có thời gian hoạt động dài hơn 50 năm thì phải báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định”; “Có thư viện với các phần mềm và trang thiết bị phục vụ cho việc mượn, tra cứu, nghiên cứu tài liệu; có đủ nguồn thông tin tư liệu như sách, giáo trình, bài giảng của các mô đun, tín chỉ, học phần, môn học, các tài liệu liên quan đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập”; “Có đủ phòng làm việc, khu hành chính và khu hiệu bộ, bảo đảm đáp ứng cơ cấu tổ chức phòng, khoa, bộ môn chuyên môn, bảo đảm diện tích ít nhất là 06 m²/người”; “Có các công trình xây dựng phục vụ hoạt động văn hoá, thể thao, giải trí và các công trình y tế, dịch vụ để phục vụ cán bộ quản lý, giáo viên, giảng viên và học sinh, sinh viên”; “Đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, thời gian hoạt động không quá 50 năm tính từ ngày quyết định cho phép thành lập. Trường hợp có thời gian hoạt động dài hơn 50 năm thì phải báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định”.

- Đơn giản hóa 02 điều kiện kinh doanh: “Có cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo phù hợp với ngành, nghề, quy mô và trình độ đào tạo, cụ thể: Có phòng học; phòng thí nghiệm; phòng, xưởng thực hành, thực tập; cơ sở sản xuất thử nghiệm đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học theo chương trình đào tạo, quy mô đào tạo của từng ngành, nghề. Diện tích phòng học lý thuyết; phòng, xưởng thực hành, thực tập dùng cho học tập, giảng dạy bảo đảm ở mức bình quân ít nhất là 5,5 m²/chỗ học” thành “Diện tích phòng học lý thuyết; phòng, xưởng thực hành, thực tập dùng cho học tập, giảng dạy bảo đảm ở mức bình quân ít nhất là 5,5 m²/chỗ học”; “Tỷ lệ học sinh, sinh viên/giáo viên, giảng viên tối đa là 25. Có số lượng giáo viên, giảng viên cơ hữu đảm nhận tối thiểu 60% khối lượng chương trình của mỗi ngành, nghề đào tạo” thành “Tỷ lệ học sinh, sinh viên/giáo viên, giảng viên tối đa là 25 học sinh, sinh viên/giáo viên, giảng viên; giáo viên, giảng viên cơ hữu đảm nhận tối thiểu 50% khối lượng chương trình của mỗi ngành, nghề đào tạo”.

- Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC từ 10 ngày làm việc xuống còn 07 ngày làm việc.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi điểm b khoản 1 Điều 14 và điểm c khoản 2 Điều 14 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP.

- Sửa đổi điểm a và điểm b khoản 6 Điều 5 Nghị định số 140/2018/NĐ-CP.

- Sửa đổi khoản 2 và khoản 3 Điều 16 Nghị định số 15/2019/NĐ-CP.

- Sửa đổi khoản 13 Điều 1 và điểm k khoản 21 Điều 1 Nghị định số 24/2022/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

6. Thủ tục hành chính 6: Cấp giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp (1.000389)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bãi bỏ 05 điều kiện kinh doanh: “Đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, thời gian hoạt động không quá 50 năm tính từ ngày quyết định cho phép thành lập. Trường hợp có thời gian hoạt động dài hơn 50 năm thì phải báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định”; “Có thư viện với các phần mềm và trang thiết bị phục vụ cho việc mượn, tra cứu, nghiên cứu tài liệu; có đủ nguồn thông tin tư liệu như sách, giáo trình, bài giảng của các mô đun, tín chỉ, học phần, môn học, các tài liệu liên quan đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập”; “Có đủ phòng làm việc, khu hành chính và khu hiệu bộ, bảo đảm đáp ứng cơ cấu tổ chức phòng, khoa, bộ môn chuyên môn, bảo đảm diện tích ít nhất là 06 m²/người đối với đào tạo trình độ trung cấp”; “Có các công trình xây dựng phục vụ hoạt động văn hoá, thể thao, giải trí và các công trình y tế, dịch vụ để phục vụ cán bộ quản lý, giáo viên, giảng viên và học sinh, sinh viên”; “Đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, thời gian hoạt động không quá 50 năm tính từ ngày quyết định cho phép thành lập. Trường hợp có thời gian hoạt động dài hơn 50 năm thì phải báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định”.

- Đơn giản hóa 03 điều kiện kinh doanh: “Có đủ chương trình, giáo trình đào tạo của từng nghề đăng ký hoạt động và phải được xây dựng, thẩm định, ban hành theo quy định của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội” thành “Có đủ chương trình”; “Có phòng học; phòng thí nghiệm; phòng, xưởng

thực hành, thực tập; cơ sở sản xuất thử nghiệm đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học theo chương trình đào tạo, quy mô đào tạo của từng ngành, nghề. Diện tích phòng học lý thuyết; phòng, xưởng thực hành, thực tập dùng cho học tập, giảng dạy bảo đảm ở mức bình quân ít nhất là 5,5 m²/chỗ học” thành “Diện tích phòng học lý thuyết; phòng, xưởng thực hành, thực tập dùng cho học tập, giảng dạy bảo đảm ở mức bình quân ít nhất là 5,5 m²/chỗ học”; “Tỷ lệ học sinh, sinh viên/giáo viên, giảng viên tối đa là 25. Có số lượng giáo viên, giảng viên cơ hữu đảm nhận tối thiểu 60% khối lượng chương trình của mỗi ngành, nghề đào tạo” thành “Tỷ lệ học sinh, sinh viên/giáo viên, giảng viên tối đa là 25 học sinh, sinh viên/giáo viên, giảng viên; giáo viên, giảng viên cơ hữu đảm nhận tối thiểu 50% khối lượng chương trình của mỗi ngành, nghề đào tạo”.

- Giảm tổng thời gian giải quyết TTHC từ 10 ngày làm việc xuống còn 07 ngày làm việc.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi điểm b khoản 1 Điều 14 và điểm c khoản 2 Điều 14 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP.

- Sửa đổi điểm a và điểm b khoản 6 Điều 5 Nghị định số 140/2018/NĐ-CP.

- Sửa đổi khoản 2 và khoản 3 Điều 16 Nghị định số 15/2019/NĐ-CP.

- Sửa đổi khoản 13 Điều 1 và điểm k khoản 21 Điều 1 Nghị định số 24/2022/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

7. Thủ tục hành chính 7: Cho phép thành lập trường cao đẳng tư thực hoạt động không vì lợi nhuận (1.000145)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

Bãi bỏ 01 điều kiện kinh doanh: “Có cam kết hoạt động không vì lợi nhuận với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Cam kết được công bố công khai để xã hội biết và giám sát”.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ điểm b khoản 1 Điều 37 Nghị định số 15/2019/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

8. Thủ tục hành chính 8: Chia, tách, sáp nhập trường cao đẳng (1.000611)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

Bãi bỏ 01 điều kiện kinh doanh: “Bảo đảm quyền lợi của người học, giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên và người lao động”.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ điểm b khoản 1 Điều 10 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 5 của Nghị định số 140/2018/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

9. Thủ tục hành chính 9: Công nhận trường cao đẳng tư thục, trường cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài chuyển sang hoạt động không vì lợi nhuận (1.000561)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

Bãi bỏ 01 điều kiện kinh doanh: “Có cam kết hoạt động không vì lợi nhuận với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Cam kết được công bố công khai để xã hội biết và giám sát”.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ điểm b khoản 1 Điều 37 Nghị định số 15/2019/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

10. Thủ tục hành chính 10: Chia, tách, sáp nhập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (2.000099)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

Bãi bỏ 01 điều kiện kinh doanh: “Bảo đảm quyền lợi của người học, giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên và người lao động”.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ điểm b khoản 1 Điều 10 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 5 của Nghị định số 140/2018/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

11. Thủ tục hành chính 11: Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thục hoạt động không vì lợi nhuận (1.000509)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa



Bãi bỏ 01 điều kiện kinh doanh: “Có cam kết hoạt động không vì lợi nhuận với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Cam kết được công bố công khai để xã hội biết và giám sát”.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ điểm b khoản 1 Điều 37 Nghị định số 15/2019/NĐ-CP.
- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

12. Thủ tục hành chính 12: Công nhận trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thục; trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển sang hoạt động không vì lợi nhuận (1.000482)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

Bãi bỏ 01 điều kiện kinh doanh: “Có cam kết hoạt động không vì lợi nhuận với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thục; trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đặt trụ sở chính. Cam kết được công bố công khai để xã hội biết và giám sát”.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ điểm b khoản 1 Điều 37 Nghị định số 15/2019/NĐ-CP.
- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

13. Thủ tục hành chính 13: Thành lập, cho phép thành lập phân hiệu của trường cao đẳng(1.010924)

a) Nội dung cắt giảm

Bãi bỏ TTHC, theo đó:

- Bãi bỏ 02 điều kiện kinh doanh đã công bố;
- Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 07 ngày làm việc.

b) Kiến nghị thực thi

- Đề xuất bãi bỏ khoản 3 Điều 16 Luật Giáo dục nghề nghiệp.
- Bãi bỏ Điều 9 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP.
- Bãi bỏ khoản 3 Điều 5 Nghị định số 140/2018/NĐ-CP.
- Bãi bỏ khoản 6 Điều 1 Nghị định số 24/2022/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: Theo lộ trình sửa Luật Giáo dục nghề nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành.

14. Thủ tục hành chính 14: Chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường cao đẳng (2.001686)

a) Nội dung cắt giảm

Bãi bỏ TTHC, theo đó, cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 15 ngày làm việc.

b) Kiến nghị thực thi

- Đề xuất sửa đổi, bổ sung Điều 16 Luật Giáo dục nghề nghiệp.

- Bãi bỏ Điều 12 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: Theo lộ trình sửa Luật Giáo dục nghề nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành.

15. Thủ tục hành chính 15: Cho phép thành lập phân hiệu của trường cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài (1.000177)

a) Nội dung cắt giảm

Bãi bỏ TTHC, theo đó:

- Bãi bỏ 02 điều kiện kinh doanh đã công bố;

- Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 07 ngày làm việc.

b) Kiến nghị thực thi

- Đề xuất sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 16 Luật Giáo dục nghề nghiệp.

- Sửa đổi Điều 13; bãi bỏ Điều 11, Điều 12, Điều 15 Nghị định số 15/2019/NĐ-CP.

- Bãi bỏ khoản 3 Điều 2 Nghị định số 24/2022/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: Theo lộ trình sửa Luật Giáo dục nghề nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành.

16. Thủ tục hành chính 16: Cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài (1.000154)

a) Nội dung cắt giảm

Bãi bỏ TTHC, theo đó:

- Bãi bỏ 02 điều kiện kinh doanh đã công bố;

- Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 07 ngày làm việc.

b) Kiến nghị thực thi

- Đề xuất sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 16 Luật Giáo dục nghề nghiệp.
- Sửa đổi Điều 13; bãi bỏ Điều 11, Điều 12, Điều 15 Nghị định số 15/2019/NĐ-CP.
- Sửa đổi khoản 3 Điều 2 Nghị định số 24/2022/NĐ-CP.
- Lộ trình thực hiện: Theo lộ trình sửa Luật Giáo dục nghề nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành.

17. Thủ tục hành chính 17: Thành lập phân hiệu của trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp tư thục trên địa bàn (1.010927)

a) Nội dung cắt giảm

Bãi bỏ TTHC, theo đó:

- Bãi bỏ 02 điều kiện kinh doanh đã công bố;
- Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 07 ngày làm việc.

b) Kiến nghị thực thi

- Đề xuất sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 16 Luật Giáo dục nghề nghiệp.
- Bãi bỏ Điều 9 NĐ số 143/2016/NĐ-CP.
- Bãi bỏ khoản 3 Điều 5 Nghị định số 140/2018/NĐ-CP.
- Bãi bỏ khoản 6 Điều 1 Nghị định số 24/2022/NĐ-CP.
- Sửa đổi Điều 56 Phụ lục I kèm theo NĐ số 142/2025/NĐ-CP.
- Lộ trình thực hiện: Theo lộ trình sửa Luật Giáo dục nghề nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành.

18. Thủ tục hành chính 18: Chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và phân hiệu của trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (1.000266)

a) Nội dung cắt giảm

Bãi bỏ TTHC, theo đó, cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 15 ngày làm việc.

b) Kiến nghị thực thi

- Đề xuất sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 16 Luật Giáo dục nghề nghiệp.
- Bãi bỏ Điều 12 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP.
- Bãi bỏ Điều 59 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.
- Lộ trình thực hiện: Theo lộ trình sửa Luật Giáo dục nghề nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành.

19. Thủ tục hành chính 19: Công nhận hội đồng quản trị trường trung cấp tư thực (1.010593)

a) Nội dung cắt giảm

Bãi bỏ TTHC, theo đó:

- Bãi bỏ 05 điều kiện kinh doanh đã công bố;
- Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 15 ngày làm việc.

b) Kiến nghị thực thi

- Đề xuất sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 12 Luật Giáo dục nghề nghiệp.
- Sửa đổi khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 15 Thông tư số 14/2021/TT-BLĐTBXH ngày 21/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định Điều lệ trường trung cấp (sau đây gọi tắt là Thông tư số 14/2021/TT-BLĐTBXH).
- Lộ trình thực hiện: Theo lộ trình sửa Luật Giáo dục nghề nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành.

20. Thủ tục hành chính 20: Thay thế chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng quản trị trường cao đẳng tư thực; chấm dứt hoạt động hội đồng quản trị (1.010581)

a) Nội dung cắt giảm

Bãi bỏ TTHC, theo đó:

- Bãi bỏ 04 điều kiện kinh doanh đã công bố;
- Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 15 ngày làm việc.

b) Kiến nghị thực thi

- Đề xuất sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 12 Luật Giáo dục nghề nghiệp.

- Sửa đổi khoản 2, khoản 4, khoản 5 Điều 15 Thông tư số 15/2021/TT-BLĐTBXH ngày 21/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định Điều lệ trường cao đẳng (sau đây gọi tắt là Thông tư số 15/2021/TT-BLĐTBXH).

- Lộ trình thực hiện: Theo lộ trình sửa Luật Giáo dục nghề nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành.

21. Thủ tục hành chính 21: Thay thế chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng quản trị trường trung cấp tư thục; chấm dứt hoạt động hội đồng quản trị (1.010594)

a) Nội dung cắt giảm

Bãi bỏ TTHC, theo đó:

- Bãi bỏ 04 điều kiện kinh doanh đã công bố;
- Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 15 ngày làm việc.

b) Kiến nghị thực thi

- Đề xuất sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 12 Luật Giáo dục nghề nghiệp.

- Sửa đổi khoản 2, khoản 4, khoản 5 Điều 15 Thông tư số 14/2021/TT-BLĐTBXH.

- Lộ trình thực hiện: Theo lộ trình sửa Luật Giáo dục nghề nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành.

22. Thủ tục hành chính 22: Công nhận hội đồng quản trị trường cao đẳng tư thục (1.010580)

a) Nội dung cắt giảm

Bãi bỏ TTHC, theo đó:

- Bãi bỏ 04 điều kiện kinh doanh đã công bố;
- Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 15 ngày làm việc.

b) Kiến nghị thực thi

- Đề xuất sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 12 Luật Giáo dục nghề nghiệp.

Sửa đổi khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 15 Thông tư số 15/2021/TT-BLĐTBXH.



- Lộ trình thực hiện: Theo lộ trình sửa Luật Giáo dục nghề nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành.

23. Thủ tục hành chính 23: Công nhận hiệu trưởng trường cao đẳng tư thực (1.010582)

a) Nội dung cắt giảm

Bãi bỏ TTHC, theo đó:

- Bãi bỏ 05 điều kiện kinh doanh đã công bố;
- Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 15 ngày làm việc.

b) Kiến nghị thực thi

- Đề xuất sửa đổi, bổ sung khoản 4 và khoản 5 Điều 14 Luật Giáo dục nghề nghiệp.

- Sửa đổi Điều 18 Thông tư số 15/2021/TT-BLĐTBXH.

- Lộ trình thực hiện: Theo lộ trình sửa Luật Giáo dục nghề nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành.

24. Thủ tục hành chính 24: Thôi công nhận hiệu trưởng trường cao đẳng tư thực (1.010583)

a) Nội dung cắt giảm

Bãi bỏ TTHC, theo đó, cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 15 ngày làm việc.

b) Kiến nghị thực thi

- Đề xuất sửa đổi, bổ sung khoản 4 và khoản 5 Điều 14 Luật Giáo dục nghề nghiệp.

- Sửa đổi Điều 19 Thông tư số 15/2021/TT-BLĐTBXH.

- Lộ trình thực hiện: Theo lộ trình sửa Luật Giáo dục nghề nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành.

25. Thủ tục hành chính 25: Công nhận hiệu trưởng trường trung cấp tư thực (1.010595)

a) Nội dung cắt giảm

Bãi bỏ TTHC, theo đó:

- Bãi bỏ 05 điều kiện kinh doanh đã công bố;
- Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 15 ngày làm việc.

b) Kiến nghị thực thi

- Đề xuất sửa đổi, bổ sung khoản 4 và khoản 5 Điều 14 Luật Giáo dục nghề nghiệp.

- Sửa đổi Điều 18 Thông tư số 14/2021/TT-BLĐTBXH.

- Lộ trình thực hiện: Theo lộ trình sửa Luật Giáo dục nghề nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành.

26. Thủ tục hành chính 26: Thôi công nhận hiệu trưởng trường trung cấp tư thực (1.010596)

a) Nội dung cắt giảm

Bãi bỏ TTHC, theo đó, cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 15 ngày làm việc.

b) Kiến nghị thực thi

- Đề xuất sửa đổi, bổ sung khoản 4 và khoản 5 Điều 14 Luật Giáo dục nghề nghiệp.

- Sửa đổi Điều 19 Thông tư số 14/2021/TT-BLĐTBXH.

- Lộ trình thực hiện: Theo lộ trình sửa Luật Giáo dục nghề nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành.

X. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

1. Thủ tục hành chính 1: Cấp thẻ kiểm định viên chất lượng giáo dục nghề nghiệp (1.000286)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

Bãi bỏ 01 điều kiện kinh doanh: “Có phẩm chất đạo đức tốt, có đủ sức khỏe đáp ứng yêu cầu công việc”.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ khoản 1 Điều 13 Nghị định số 49/2018/NĐ-CP ngày 30/3/2018 của Chính phủ quy định về kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp (sau đây gọi tắt là Nghị định số 49/2018/NĐ-CP).

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

2. Thủ tục hành chính 2: Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp (1.000298)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bãi bỏ 01 điều kiện kinh doanh: “Có trang thông tin điện tử của tổ chức kiểm định trong đó có nội dung, cơ sở dữ liệu phục vụ hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp”.

- Giảm tổng thời gian giải quyết từ 30 ngày làm việc xuống 20 ngày làm việc.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ khoản 5 Điều 4; sửa đổi điểm b khoản 4 Điều 8 Nghị định số 49/2018/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

3. Thủ tục hành chính 3: Cho phép tổ chức kiểm định tiếp tục hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp khi nguyên nhân bị đình chỉ được khắc phục (1.000293)

a) Nội dung đơn giản hóa

Giảm thời gian giải quyết từ 30 ngày làm việc xuống 20 ngày làm việc.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi điểm b khoản 4 Điều 9 Nghị định số 49/2018/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

PHẦN B. CẮT GIẢM, ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ

1. Thủ tục hành chính 1: Công nhận tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục mức độ 3, xóa mù chữ mức độ 2

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

Hồ sơ đề nghị công nhận tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ:

- Quy định rõ trình tự thực hiện, thời hạn giải quyết TTHC.

- Mẫu hóa Báo cáo quá trình thực hiện và kết quả phổ cập giáo dục, xóa mù chữ của tỉnh kèm theo các biểu thống kê theo Mẫu số 01 tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

- Quy định hình thức tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC trên môi trường điện tử.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Điều 28; khoản 2 Điều 31 Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 của Chính phủ quy định về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ (sau đây gọi tắt là Nghị định số 20/2014/NĐ-CP).

- Sửa đổi điểm c khoản 3 Điều 1 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 143/2025/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

2. Thủ tục hành chính 2: Công nhận huyện đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

Bãi bỏ TTHC này.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ: khoản 3 Điều 6; khoản 3 Điều 9; khoản 2 Điều 10; khoản 2 Điều 11; khoản 4 Điều 14; khoản 2 Điều 15; khoản 2 Điều 16; khoản 2 Điều 20; khoản 2 Điều 21; khoản 2 Điều 25; Điều 27; khoản 2 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 31, Điều 38 Nghị định số 20/2014/NĐ-CP.

- Sửa đổi: khoản 4 Điều 6; khoản 4 Điều 9; khoản 3 Điều 10; khoản 3 Điều 11; khoản 4 Điều 14; khoản 3 Điều 15; khoản 3 Điều 16; khoản 3 Điều 20; khoản 3 Điều 21; khoản 1 Điều 25; khoản 2 Điều 29; khoản 3 Điều 30 và khoản 3 Điều 37 Nghị định số 20/2014/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

3. Thủ tục hành chính 3: Công nhận xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Về hồ sơ:

+ Hồ sơ phổ cập giáo dục: Mẫu hóa Phiếu điều tra phổ cập giáo dục, xóa mù chữ theo Mẫu số 02 tại Phụ lục kèm theo Quyết định này; Mẫu hóa Sổ theo dõi phổ cập giáo dục theo Mẫu số 05 tại Phụ lục kèm theo Quyết định này; Mẫu hóa Danh sách trẻ em hoàn thành chương trình giáo dục mầm non (đối với phổ cập giáo dục mầm non); danh sách học sinh hoàn thành chương trình giáo dục tiểu học (đối với phổ cập giáo dục tiểu học); danh sách học sinh tốt nghiệp trung

học cơ sở, danh sách học sinh có chứng chỉ nghề (đối với phổ cập giáo dục trung học cơ sở) theo Mẫu số 06 tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

+ Hồ sơ xóa mù chữ: Mẫu hóa Phiếu điều tra phổ cập giáo dục, xóa mù chữ theo Mẫu số 02 tại Phụ lục kèm theo Quyết định này; Mẫu hóa Sổ theo dõi xóa mù chữ theo Mẫu số 03 tại Phụ lục kèm theo Quyết định này; Mẫu hóa danh sách học viên hoàn thành chương trình xóa mù chữ theo Mẫu số 04 tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

+ Hồ sơ đề nghị công nhận xã đạt chuẩn: Mẫu hóa Báo cáo quá trình thực hiện và kết quả phổ cập giáo dục, xóa mù chữ của xã kèm theo các biểu thống kê theo Mẫu số 01 tại Phụ lục kèm theo Quyết định này; Mẫu hóa Biên bản tự kiểm tra phổ cập giáo dục, xóa mù chữ theo Mẫu số 07 tại Phụ lục kèm theo Quyết định này; Quy định hình thức tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC trên môi trường điện tử.

- Về trình tự thực hiện: Quy định rõ trình tự thực hiện, thời gian giải quyết TTHC.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi khoản 1 Điều 25 và Điều 26; bãi bỏ khoản 2 Điều 25 Nghị định số 20/2014/NĐ-CP.

- Sửa đổi Điều 17 Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

4. Thủ tục hành chính 4: Chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp công lập

a) Nội dung cắt giảm

Bãi bỏ TTHC này.

b) Kiến nghị thực thi

- Đề xuất bãi bỏ khoản 3 Điều 16 Luật Giáo dục nghề nghiệp.

- Bãi bỏ Điều 12 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP.

- Sửa đổi Điều 58, Điều 59 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: Theo lộ trình sửa Luật Giáo dục nghề nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành.

5. Thủ tục hành chính 5: Thành lập phân hiệu của trường trung cấp công lập

a) Nội dung cắt giảm

Bãi bỏ TTHC này.

b) Kiến nghị thực thi

- Đề xuất bãi bỏ khoản 3 Điều 16 Luật Giáo dục nghề nghiệp.
- Bãi bỏ Điều 9 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP.
- Sửa đổi Điều 56 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.
- Lộ trình thực hiện: Theo lộ trình sửa Luật Giáo dục nghề nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Phụ lục

*(Kèm theo Phương án tại Quyết định số /QĐ-TTg
ngày tháng 8 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)*

Mẫu số 01	Báo cáo kết quả phổ cập giáo dục, xóa mù chữ năm ...
Mẫu số 02	Phiếu điều tra phổ cập giáo dục - xóa mù chữ
Mẫu số 03	Sổ theo dõi xóa mù chữ
Mẫu số 04	Danh sách học viên hoàn thành chương trình xóa mù chữ
Mẫu số 05	Sổ theo dõi phổ cập giáo dục
Mẫu số 06	Danh sách trẻ em, học sinh hoàn thành chương trình phổ cập giáo dục
Mẫu số 07	Biên bản tự kiểm tra kết quả phổ cập giáo dục, xóa mù chữ năm...
Mẫu số 08	Tờ trình về việc đề nghị chuyển đổi ...
Mẫu số 09	Báo cáo đánh giá tác động của việc chuyển đổi ...

.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../BC-....

....., ngày ... tháng ... năm ...

BÁO CÁO

Kết quả phổ cập giáo dục, xóa mù chữ năm ...
(Từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm ...)

Kính gửi:

Phần I

**BÁO CÁO VIỆC THỰC HIỆN CÔNG TÁC
PHỔ CẬP GIÁO DỤC, XÓA MÙ CHỮ**

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VÀ KẾT QUẢ

1. Công tác của Ban chỉ đạo phổ cập giáo dục, xóa mù chữ

2. Kết quả thực hiện công tác phổ cập giáo dục

a) Kết quả thực hiện phổ cập giáo dục mầm non

- Tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi đến trường:/..... (tỷ lệ%);

- Trẻ học 2 buổi trên ngày:/..... (tỷ lệ%);

- Trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non:/..... (tỷ lệ%);

- Tổng số trẻ 05 tuổi khuyết tật trên địa bàn: trẻ; số trẻ khuyết tật của địa bàn có khả năng học tập là trẻ; số trẻ khuyết tật được tiếp cận giáo dục là:/.....trẻ, tỷ lệ:%.; số trẻ khuyết tật của địa bàn được tiếp cận giáo dục ở nơi khác; số trẻ khuyết tật nơi khác đến học nhờ ...

- Toàn tỉnh có/..... (tỷ lệ%) xã đạt tiêu chuẩn công nhận về phổ cập giáo dục mầm non trẻ em 5 tuổi.

b) Kết quả thực hiện phổ cập giáo dục tiểu học

- Số trẻ 6 tuổi vào học lớp 1: .../..., tỷ lệ...%.

- Số trẻ đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học: .../..., tỷ lệ: ...%

- Số trẻ 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học: .../..., tỷ lệ ...%, số trẻ 11 tuổi còn lại đang học ở tiểu học: ..., tỷ lệ%.

- Trẻ khuyết tật có khả năng học tập được tiếp cận giáo dục: .../..., tỷ lệ ...%.

- Tỉnh có .../... đơn vị cấp xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2; .../... đơn vị cấp xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3.

c) Kết quả thực hiện phổ cập giáo dục trung học

- Số thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi 15 đến 18 tốt nghiệp trung học cơ sở:/.....; tỉ lệ: %.

- Số thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi 15 đến 18 đang học chương trình giáo dục phổ thông hoặc giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông hoặc giáo dục nghề nghiệp:/.....; tỉ lệ: %.

- Số đơn vị cấp xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở (đối với kiểm tra cấp tỉnh):

Mức độ 1: Số lượng/....., tỉ lệ:%

Mức độ 2: Số lượng/....., tỉ lệ:%

Mức độ 3: Số lượng/....., tỉ lệ:%

3. Kết quả thực hiện công tác xóa mù chữ

Căn cứ kết quả tự kiểm tra/kiểm tra phổ cập giáo dục, xóa mù chữ năm kết quả công tác xóa mù chữ của đạt được như sau:

a) Tổng dân số độ tuổi từ 15 đến 25:... trong đó:

- Số người trong độ tuổi từ 15 - 25 đạt chuẩn biết chữ mức độ 1: tỉ lệ: ...

- Số người trong độ tuổi từ 15 - 25 đạt chuẩn biết chữ mức độ 2: tỉ lệ: ...

- Số người trong độ tuổi từ 15 - 25 chưa đạt chuẩn biết chữ mức độ 1: tỉ lệ: ...
... Trong đó số người trong độ tuổi từ 15 - 25 mù chữ: ..., tỉ lệ: ...

- Số người trong độ tuổi từ 15 - 25 chưa đạt chuẩn biết chữ mức độ 2: tỉ lệ: ...

b) Tổng dân số độ tuổi từ 15 đến 35: ... trong đó:

- Số người trong độ tuổi từ 15 - 35 đạt chuẩn biết chữ mức độ 1: tỉ lệ: ...

- Số người trong độ tuổi từ 15 - 35 đạt chuẩn biết chữ mức độ 2: tỉ lệ: ...

- Số người trong độ tuổi từ 15 - 35 chưa đạt chuẩn biết chữ mức độ 1: tỉ lệ: ...
... Trong đó số người trong độ tuổi từ 15 - 35 mù chữ: ..., tỉ lệ: ...

- Số người trong độ tuổi từ 15 - 35 chưa đạt chuẩn biết chữ mức độ 2: tỉ lệ: ...

c) Tổng dân số độ tuổi từ 15 đến 60: ... trong đó:

- Số người trong độ tuổi từ 15 - 60 đạt chuẩn biết chữ mức độ 1: tỉ lệ: ...

- Số người trong độ tuổi từ 15 - 60 đạt chuẩn biết chữ mức độ 2: tỉ lệ: ...

- Số người trong độ tuổi từ 15 - 60 chưa đạt chuẩn biết chữ mức độ 1: tỉ lệ: ...
Trong đó số người trong độ tuổi từ 15 - 60 mù chữ: ..., tỉ lệ: ...

- Số người trong độ tuổi từ 15 - 60 chưa đạt chuẩn biết chữ mức độ 2: tỉ lệ: ...

- Số người huy động học xóa mù chữ trong năm....: ...

4. Điều kiện đảm bảo

a) Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học

- Mâm non:

- Tiểu học:
- Trung học cơ sở:
- Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên:
- Trung tâm học tập cộng đồng:

b) Kinh phí

- Kinh phí phổ cập giáo dục
- Kinh phí xóa mù chữ

c) Người tham gia dạy học, theo dõi phổ cập giáo dục, xóa mù chữ

- Mầm non:
- Tiểu học:
- Trung học cơ sở:
- Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên:
- Trung tâm học tập cộng đồng:

5. Kết quả đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ

Cấp xã/cấp tỉnh... đủ điều kiện đạt chuẩn về phổ cập giáo dục tiểu học mức độ....., đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ....., đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ.....tại thời điểm thángnăm ...

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm
2. Hạn chế

Phần II

PHƯƠNG HƯỚNG THỰC HIỆN CÔNG TÁC PHỔ CẬP GIÁO DỤC XÓA MÙ CHỮ

I. MỤC TIÊU CHUNG

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Công tác phổ cập giáo dục
2. Công tác xóa mù chữ

III. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

.....

Nơi nhận:

-;
-



TM. BAN CHỈ ĐẠO
TRƯỞNG BAN

(Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu)

Phường/Xã/Đặc khu(1): _____				PHIẾU ĐIỀU TRA PHỔ CẬP GIÁO DỤC - XÓA MÙ CHỮ										Số phiếu (5): _____					
KP/Thôn/Ấp (2): _____ Tổ: _____														Diện cư trú (6): Thường trú/Tạm trú: _____					
Địa chỉ (3): _____				Họ và tên chủ hộ (4): _____										Điện thoại: (7): _____					
ST T	HỌ VÀ TÊN ĐỐI TƯỢNG (Lớn tuổi ghi trước)				TÊN LỚP ĐANG HỌC (Theo năm học)		TÊN TRƯỜNG ĐANG HỌC (Tương ứng với từng năm học)	Thông tin Tốt nghiệp (Hoàn thành)					Học xong		Bỏ học		Khuyết Tật	Chuyển đến, chuyển đi, chết	Ghi chú
								MN ->THPT			TN nghề								
								Cấp học	Bổ túc	Năm	Bậc	Năm	Lớp hoặc kỳ học (đối với xóa mù chữ)	Năm	Lớp hoặc kỳ học (đối với xóa mù chữ)	Năm			
1		20...-20...																	
	QH với chủ hộ: _____				20...-20...														
	Ngày sinh: _____				20...-20...														
	Nữ: ☐	Nam: ☐	DT: _____	TG: _____	20...-20...														
	Cha, mẹ, Người đỡ đầu: _____				20...-20...														
2		20...-20...																	
	QH với chủ hộ: _____				20...-20...														
	Ngày sinh: _____				20...-20...														
	Nữ: ☐	Nam: ☐	DT: _____	TG: _____	20...-20...														
	Cha, mẹ, Người đỡ đầu: _____				20...-20...														
3		20...-20...																	

	QH với chủ hộ: _____		20...-20...													
	Ngày sinh: _____		20...-20...													
	Nữ: ☐	Nam: ☐	DT: _____ TG: _____	20...-20...												
	Cha, mẹ, Người đỡ đầu: _____		20...-20...													
4...																
	QH với chủ hộ: _____															
	Ngày sinh: _____															
	Nữ: ☐	Nam: ☐	DT: _____ TG: _____													
	Cha, mẹ, Người đỡ đầu: _____															
Họ, tên			.../.../ Năm 20...	.../.../ Năm 20...	.../.../ Năm 20...	.../.../ Năm 20...	.../.../ Năm 20...	.../.../ Năm 20...	XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ/PHƯỜNG/ĐẶC KHU <i>(Ký tên, đóng dấu)</i> Ngày ...tháng ...năm ...							
Cán bộ, nhân viên điều tra 1																
Cán bộ, nhân viên điều tra 2																
Cán bộ, nhân viên điều tra 3																
Trưởng thôn, bản, tổ dân phố																
Chủ hộ gia đình																

Tỉnh: ...

Xã, phường, đặc khu: ...

SỔ THEO DÕI XÓA MÙ CHỮ

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Họ tên cha (hoặc mẹ, hoặc người đỡ đầu)	Chỗ ở hiện nay (xóm thôn, đường phố)	Trình độ hiện nay					Bỏ học	Hoàn cảnh đặc biệt	Ghi chú
							Đã học xong kỳ 1 (lớp 1)	Đã học xong kỳ 2 (lớp 2)	Đã học xong kỳ 3 (lớp 3)	Đã học xong kỳ 4 (lớp 4)	Đã học xong kỳ 5 (lớp 5)			

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

XÁC NHẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ/PHƯỜNG/ĐẶC KHU

(Ký tên, đóng dấu)

Ngày ...tháng ...năm ...

Tỉnh: ...

Xã, phường, đặc khu: ...

DANH SÁCH HỌC VIÊN HOÀN THÀNH CHƯƠNG TRÌNH XÓA MÙ CHỮ

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Dân tộc	Địa chỉ (thôn, bản, xã, phường, đặc khu)	Đạt chuẩn biết chữ		Chưa đạt chuẩn biết chữ	
						Mức độ 1	Mức độ 2	Mức độ 1	Mức độ 2
1									
2									
3									
...									

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

XÁC NHẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ/PHƯỜNG/ĐẶC KHU
(Ký tên, đóng dấu)
Ngày ...tháng ...năm ...

Tỉnh: ...

Xã, phường, đặc khu: ...

SỔ THEO DÕI PHỔ CẬP GIÁO DỤC

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Họ tên cha (hoặc mẹ, hoặc người đỡ đầu)	Chỗ ở hiện nay (xóm thôn, đường phố)	Hoàn thành chương trình giáo dục mầm non	Hoàn thành chương trình giáo dục tiểu học	Hoàn thành chương trình giáo dục trung học cơ sở	Hoàn cảnh đặc biệt	Ghi chú

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

XÁC NHẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ/PHƯỜNG/ĐẶC KHU

(Ký tên, đóng dấu)

Ngày ...tháng ...năm ...

Tỉnh: ...

Xã, phường, đặc khu: ...

DANH SÁCH TRẺ EM, HỌC SINH HOÀN THÀNH CHƯƠNG TRÌNH PHỔ CẬP GIÁO DỤC

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Địa chỉ (thôn, bản, xã, phường)	Đã hoàn thành chương trình giáo dục mầm non	Đã hoàn thành chương trình giáo dục tiểu học	Đã hoàn thành chương trình giáo dục trung học cơ sở	Ngày tháng năm hoàn thành
1									
2									
3									
...									

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

XÁC NHẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ/PHƯỜNG/ĐẶC KHU

(Ký tên, đóng dấu)

Ngày ...tháng ...năm ...

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ/PHƯỜNG/ĐẶC KHU..
**TỔ TỰ KIỂM TRA PHỔ CẬP
GIÁO DỤC, XOÁ MÙ CHỮ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm ...

**BIÊN BẢN TỰ KIỂM TRA
KẾT QUẢ PHỔ CẬP GIÁO DỤC, XOÁ MÙ CHỮ NĂM ...**

Căn cứ

Hôm nay, lúc .. giờ ... phút, ngày ... tháng ... năm ..., tại ..., Tổ tự kiểm tra phổ cập giáo dục, xóa mù chữ xã/phường/đặc khu ... tổ chức tự kiểm tra kết quả phổ cập giáo dục, xóa mù chữ của xã/phường/đặc khu năm ..., như sau:

I. THÀNH PHẦN

1. Tổ trưởng

.....

2. Phó tổ trưởng

.....

3. Thư ký

.....

4. Thành viên

.....

II. NỘI DUNG TỰ KIỂM TRA

1. Ưu điểm

2. Hạn chế

3. Kết quả kiểm tra số liệu và các tiêu chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ

a) Các tiêu chuẩn

- Tiêu chuẩn công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non:

+ Tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi đến trường:/..... (tỷ lệ%);

+ Trẻ học 2 buổi trên ngày:/..... (tỷ lệ%);

+ Trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non:/..... (tỷ lệ%);

+ Tổng số trẻ 05 tuổi khuyết tật trên địa bàn: trẻ; số trẻ khuyết tật của địa bàn có khả năng học tập là trẻ; số trẻ khuyết tật được tiếp cận giáo dục là:

...../.....trẻ, tỷ lệ:%.; số trẻ khuyết tật của địa bàn được tiếp cận giáo dục ở nơi khác; số trẻ khuyết tật nơi khác đến học nhờ ...

- Tiêu chuẩn công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học:

+ Số trẻ em 6 tuổi vào lớp 1: ..., tỉ lệ: ...

+ Số trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học: ..., tỉ lệ: ...

+ Số trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học: ... tỉ lệ:; các trẻ em 11 tuổi còn lại đang học các lớp tiểu học: ... tỉ lệ: ...

+ Trẻ khuyết tật có khả năng học tập được tiếp cận giáo dục: .../..., tỷ lệ ...%.

- Tiêu chuẩn công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục:

+ Số thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi 15 đến 18 tốt nghiệp trung học cơ sở:/.....; tỉ lệ: %.

+ Số thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi 15 đến 18 đang học chương trình giáo dục phổ thông hoặc giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông hoặc giáo dục nghề nghiệp:/.....; tỉ lệ : %.

+ Số đơn vị cấp xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở (đối với kiểm tra cấp, cấp tỉnh):

Mức độ 1: Số lượng/....., tỉ lệ:%

Mức độ 2: Số lượng/....., tỉ lệ:%

Mức độ 3: Số lượng/....., tỉ lệ:%

- Kết quả kiểm tra số liệu và các tiêu chuẩn xóa mù chữ

+ Tổng dân số độ tuổi từ 15 đến 25:... trong đó:

Số người trong độ tuổi từ 15 - 25 đạt chuẩn biết chữ mức độ 1: tỉ lệ: ...

Số người trong độ tuổi từ 15 - 25 đạt chuẩn biết chữ mức độ 2: tỉ lệ: ...

Số người trong độ tuổi từ 15 - 25 chưa đạt chuẩn biết chữ mức độ 1: tỉ lệ: ...

Trong đó số người trong độ tuổi từ 15 - 25 mù chữ: ..., tỉ lệ: ...

Số người trong độ tuổi từ 15 - 25 chưa đạt chuẩn biết chữ mức độ 2: tỉ lệ: ...

+ Tổng dân số độ tuổi từ 15 đến 35: ... trong đó:

Số người trong độ tuổi từ 15 - 35 đạt chuẩn biết chữ mức độ 1: tỉ lệ: ...

Số người trong độ tuổi từ 15 - 35 đạt chuẩn biết chữ mức độ 2: tỉ lệ: ...

Số người trong độ tuổi từ 15 - 35 chưa đạt chuẩn biết chữ mức độ 1: tỉ lệ: ...

Trong đó số người trong độ tuổi từ 15 - 35 mù chữ: ..., tỉ lệ: ...

Số người trong độ tuổi từ 15 - 35 chưa đạt chuẩn biết chữ mức độ 2: tỉ lệ....

+ Tổng dân số độ tuổi từ 15 đến 60: ... trong đó:

Số người trong độ tuổi từ 15 - 60 đạt chuẩn biết chữ mức độ 1: tỉ lệ: ...

Số người trong độ tuổi từ 15 - 60 đạt chuẩn biết chữ mức độ 2: tỉ lệ: ...

Số người trong độ tuổi từ 15 - 60 chưa đạt chuẩn biết chữ mức độ 1: tỉ lệ: ...
 Trong đó số người trong độ tuổi từ 15 - 60 mù chữ: ..., tỉ lệ: ...

Số người trong độ tuổi từ 15 - 60 chưa đạt chuẩn biết chữ mức độ 2: tỉ lệ: ...

Số người huy động học xóa mù chữ trong năm....: ...

b) Điều kiện đảm bảo

- Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học

+ Mầm non:

+ Tiểu học:

+ Trung học cơ sở:

+ Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên:

+ Trung tâm học tập cộng đồng:

- Kinh phí

- Người tham gia dạy học, theo dõi phổ cập giáo dục

+ Mầm non:

+ Tiểu học:

+ Trung học cơ sở:

+ Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên:

+ Trung tâm học tập cộng đồng:

4. Kết quả đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ đối với xã

Xã đủ điều kiện đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ mức độ 2 năm ...:
 ... đơn vị (hoặc xã không đủ điều kiện đạt chuẩn về xóa mù chữ mức độ 1/mức độ 2 năm....).

III. ĐỀ XUẤT - KIẾN NGHỊ

.....

Ủy ban nhân dân xã/phường/đặc khu lập hồ sơ đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh kiểm tra công nhận kết quả đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ của xã.

Biên bản kết thúc vào lúc ... giờ ... phút cùng ngày.

THƯ KÝ

TỔ TRƯỞNG

.....

.....

....(1)....

....(2)....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....-.....

....., ngày ... tháng ... năm

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị chuyển đổi....

Kính gửi:(3).....

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT VỀ (1) và (2)

.....

II. SỰ CẦN THIẾT PHẢI CHUYỂN ĐỔI

.....

III. TÔN CHỈ, MỤC ĐÍCH HOẠT ĐỘNG KHÔNG VÌ LỢI NHUẬN

.....

IV. PHẦN VỐN GÓP, PHẦN TÀI SẢN THUỘC SỞ CHUNG HỢP NHẤT KHÔNG PHÂN CHIA (của nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục, cơ sở giáo dục phổ thông tư thục - nếu có).

.....

(Kèm theo(4).....)

Đề nghị(3)..... xem xét, quyết định.

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ (5)

Nơi nhận:

-

-

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục, cơ sở giáo dục phổ thông tư thục.

(2) Tên nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục, cơ sở giáo dục phổ thông tư thục đề nghị chuyển đổi.

(3) Người/cơ quan có thẩm quyền quyết định chuyển đổi.

(4) Hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 6 và khoản 1 Điều 7 Nghị định số 84/2020/NĐ-CP.

(5) Quyền hạn, chức vụ của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển đổi

....(1)....

....(2)....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/.....-.....

....., ngày ... tháng ... năm

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA VIỆC CHUYỂN ĐỔI...

Kính gửi:(3).....

I. TÌNH HÌNH THỰC TIỄN TẠI CƠ SỞ GIÁO DỤC

1. Về nhân sự
2. Về Tài chính, tài sản
3. Về hoạt động của nhà trường

...

II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG SAU KHI CHUYỂN ĐỔI...

1. Về nhân sự
2. Về Tài chính, tài sản
3. Về hoạt động của nhà trường

...

III. ĐỀ XUẤT, PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ

.....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ (5)**Nơi nhận:**

-

-

*(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)***Ghi chú:**

- (1) Tên cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thực, cơ sở giáo dục phổ thông tư thực.
- (2) Tên nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thực, cơ sở giáo dục phổ thông tư thực đề nghị chuyển đổi.
- (3) Người/cơ quan có thẩm quyền quyết định chuyển đổi.
- (4) Quyền hạn, chức vụ của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển đổi